OCEANBANK

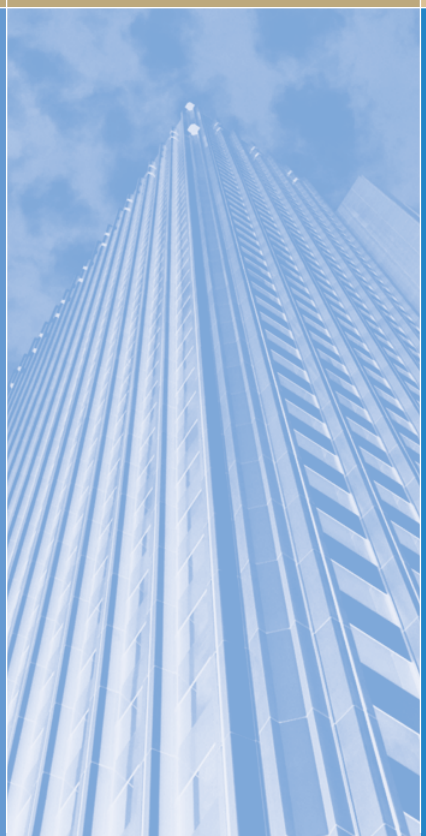

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

TỔNG QUAN 2011

Thành lập năm 1993 và chuyển đổi mô hình hoạt động ngân hàng TMCP từ năm 1997 ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) tự hào là Ngân hàng TMCP đa năng, hiện đại có sự bứt phá về doanh thu, tổng tài sản và vốn điều lệ hàng năm. Năm 2011, OceanBank tăng vốn điều lệ lên 4000 tỷ đồng, tổng lợi nhuận đạt 643 tỷ đồng, thiết lập quan hệ đại lý với trên 250 ngân hàng lớn trên thế giới.

Hệ thống mạng lưới phát triển sâu rộng với hơn 100 chi nhánh và PGD, đội ngũ CBNV gần 2000 người, OceanBank cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng đa năng, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm cư dân, kinh tế vùng miền, để luôn là "Đối tác tin cậy" của khách hàng, bạn hàng, đối tác cổ đông.

Với 4 cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty CP Tập đoàn Đại Dương, Công ty TNHH TMDV VNT, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà, OceanBank đã có những bước phát triển mạnh mẽ, vững vàng, trở thành ngân hàng chính cho ngành công nghiệp dầu khí và nhiều ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Với sự đầu tư cho hệ thống CNTT một cách chủ động, OceanBank đang tập trung hướng tới mục tiêu nằm trong Top 5 ngân hàng hàng đầu Việt Nam có số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và doanh số giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử chiếm tỷ trọng cao nhất.

OceanBank vinh dự được trao nhiều giải thưởng lớn, uy tín như Thương hiệu mạnh Việt Nam; xếp hạng 177 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; Giải thưởng Sao vàng đất Việt, Top 100 Ngân hàng có Bảng cân đối kế toán mạnh nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Strongest Balance Sheet) và Top 500 Ngân hàng Lớn nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Largest Banks) do Tạp chí The Asian Banker (Tạp chí hàng đầu thế giới chuyên cung cấp thông tin trong lĩnh vực dịch vụ tài chính ngân hàng tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương) xếp hạng.

Xác định sự phát triển của mình phải gắn liền với lợi ích chung của xã hội, OceanBank luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chia sẻ khó khăn với những cảnh đời bất hạnh, đồng bào bị thiên tai trong cả nước. Đặc biệt từ tháng 8/2011, Ngân hàng triển khai chương trình từ thiện "Nguồn sáng" chữa và phẫu thuật các bệnh về mắt có khả năng gây mù cho người nghèo trên toàn quốc. Đây là chương trình từ thiện quy mô lớn và phạm vi rộng do OceanBank triển khai với nguồn kinh phí dự kiến lên tới 3 tỷ đồng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU

TÀI CHÍNH

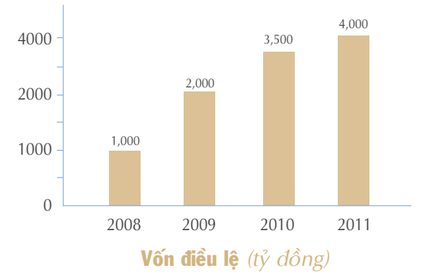

Vốn điều lệ *(tỷ đồng)*

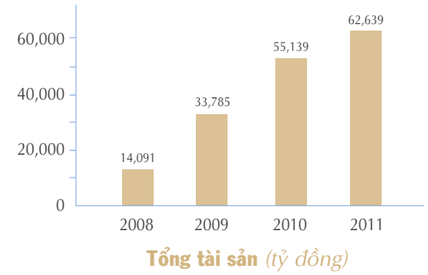

Tổng tài sản *(tỷ đồng)*

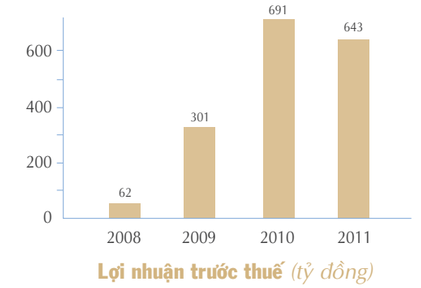

Lợi nhuận trước thuế *(tỷ đồng)*

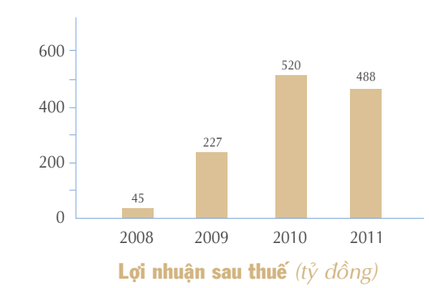

Lợi nhuận sau thuế *(tỷ đồng)*

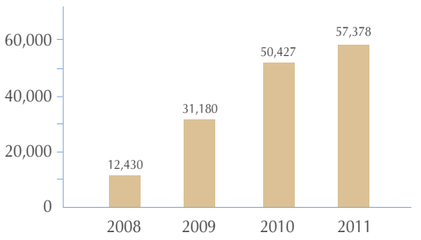

Huy động *(tỷ đồng)*

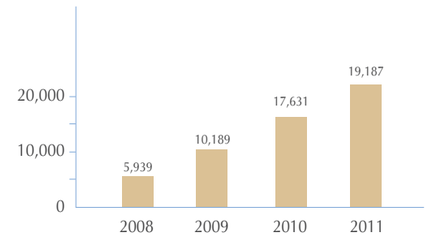

Dư nợ tín dụng *(tỷ đồng)*

	2009	2010	2011
Tổng tài sản	33,784,958,222,544	55,138,903,221,015	62,639,316,877,051
Vốn chủ sở hữu	2,252,378,868,234	4,087,343,965,413	4,644,050,596,895
Vốn điều lệ	2,000,000,000,000	3,500,000,000,000	4,000,000,000,000
Nguồn vốn huy động	31,180,469,760,599	50,427,115,648,434	57,377,665,223,615
Dư nợ cho vay	10,188,901,041,473	17,630,960,647,261	19,187,065,606,171
Tổng doanh thu	1,962,365,473,572	4,499,063,309,038	6,796,932,970,918
Tổng chi phí	1,661,057,511,681	3,808,109,472,178	6,153,539,011,616
Lợi nhuận trước thuế	301,307,961,891	690,953,836,860	643,393,959,302
Lợi nhuận sau thuế	227,322,766,764	520,421,808,375	487,931,115,362
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,59	9,48	11,74
Dư nợ cho vay/Tổng tài sản (%)	30,16	31.98	30.63
Dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động (%)	33,11	35.72	34.01
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ (%)	0,016	1.67	2.08
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) (%)	11,33	20,61	14,16
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) (%)	1,09	1,17	1,12

THÔNG ĐIỆP **CHỦ TỊCH HĐQT**

Kính thưa các quý vị cổ đông và khách hàng,

Năm 2011 là năm đầy sóng gió đối với các doanh nghiệp Việt Nam do tình hình kinh tế vĩ mô của thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn. Những diễn biến đó đã tác động, chi phối và gây ảnh hưởng trực tiếp tới hệ thống ngân hàng trong đó có OceanBank.

Ngay từ đầu năm 2011, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra những chính sách tiền tệ chặt chẽ, chính sách tài khóa thắt chặt… nhằm ổn định tình hình kinh tế trong nước. Quán triệt các chính sách của Nhà nước, Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng các biện pháp phù hợp để thực thi nghiêm chỉnh các quy định của cơ quan quản lý, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, mặt khác giảm thiểu tác động tiêu cực của thị trường tới hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã yêu cầu Ban điều hành cơ cấu lại tín dụng, kiểm soát toàn bộ các khoản đầu tư, ưu tiên nguồn vốn để cho vay sản xuất, xuất khẩu nông sản và phát triển nông nghiệp nông thôn.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, dần hoàn thiện chất lượng dịch vụ, cung cấp rộng rãi cho các cá nhân, doanh nghiệp và những Tập đoàn kinh tế lớn những sản phẩm dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn.

Hội đồng quản trị đã quyết định mở rộng mạng lưới các chi nhánh đồng thời với bổ sung thêm nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng cho 21 chi nhánh và trên 100 điểm giao dịch trong hệ thống; mở rộng quan hệ Đại lý với gần 200 ngân hàng trên thế giới. Số lao động toàn hệ thống 1.848 người, tăng 36% so với 2010 (cuối năm 2010 là 1.359 người).

Bên cạnh những kênh bán hàng truyền thống thông qua mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch, Hội đồng quản trị đã định hướng cho OceanBank đã phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua hệ thống ATM, POS và các dịch vụ InternetBanking, HomeBanking, Mobile Banking.

Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đã đưa OceanBank đặt nền móng hợp tác quan trọng với đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực dầu khí năng lượng và một số Tập đoàn kinh tế khác, thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán, mua bán ngoại tệ, cấp bảo lãnh, tư vấn tài chính, thu xếp vốn, thực hiện quản lý dòng tiền hiệu quả...

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực cố gắng của Ban Điều hành và các phòng ban, đơn vị và tập thể cán bộ nhân viên của OceanBank, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2012, nền kinh tế Thế giới và trong nước còn tiếp tục khó khăn. Những tháng đầu năm 2012 định hướng của Chính phủ vẫn là: Kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế. Ngân hàng nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt. Đảm bảo khả năng thanh khoản của các tổ chức tín dụng. Kiểm soát tốc độ tăng trưởng phương tiện thanh toán, tăng trưởng tín dụng. Giảm mặt bằng lãi suất một cách hợp lý với diễn biến kinh tế vĩ mô. Điều hành tỷ giá linh hoạt phù hợp với diễn biến thị trường. Tiến hành phân loại và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại.

Hội đồng quản trị xác định năm 2012, OceanBank cần căn cứ vào định hướng của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước để xác định kế hoạch hoạt động phù hợp, bằng mọi biện pháp điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu sử dụng vốn, có kế hoạch tài chính phù hợp, tăng thu nhập từ dịch vụ, tăng tỷ lệ tài sản CÓ sinh lời, đảm bảo khả năng thanh toán, ổn định và phát triển, phấn đấu trong nhóm dẫn đầu những ngân hàng thương mại hoạt động tốt. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập chung chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Điều hành Ngân hàng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Năm 2012, kế hoạch và biện pháp thực hiện được xây dựng trên cơ sở dự báo về môi trường kinh doanh, cũng như nhận định về những thách thức, diễn biến phức tạp của thị trường. Hội đồng quản trị đã và sẽ tiếp tục chủ động nắm bắt chủ trương chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, nắm bắt cơ hội, vượt qua khó khăn đảm bảo sự vững mạnh trong hoạt động ngân hàng và nâng cao hơn nữa giá trị và tài sản của cổ đông, khách hàng.

Chủ tịch HĐQT

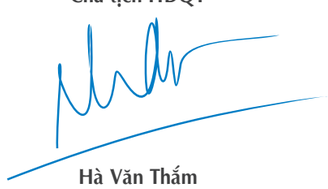

Hà Văn Thắm

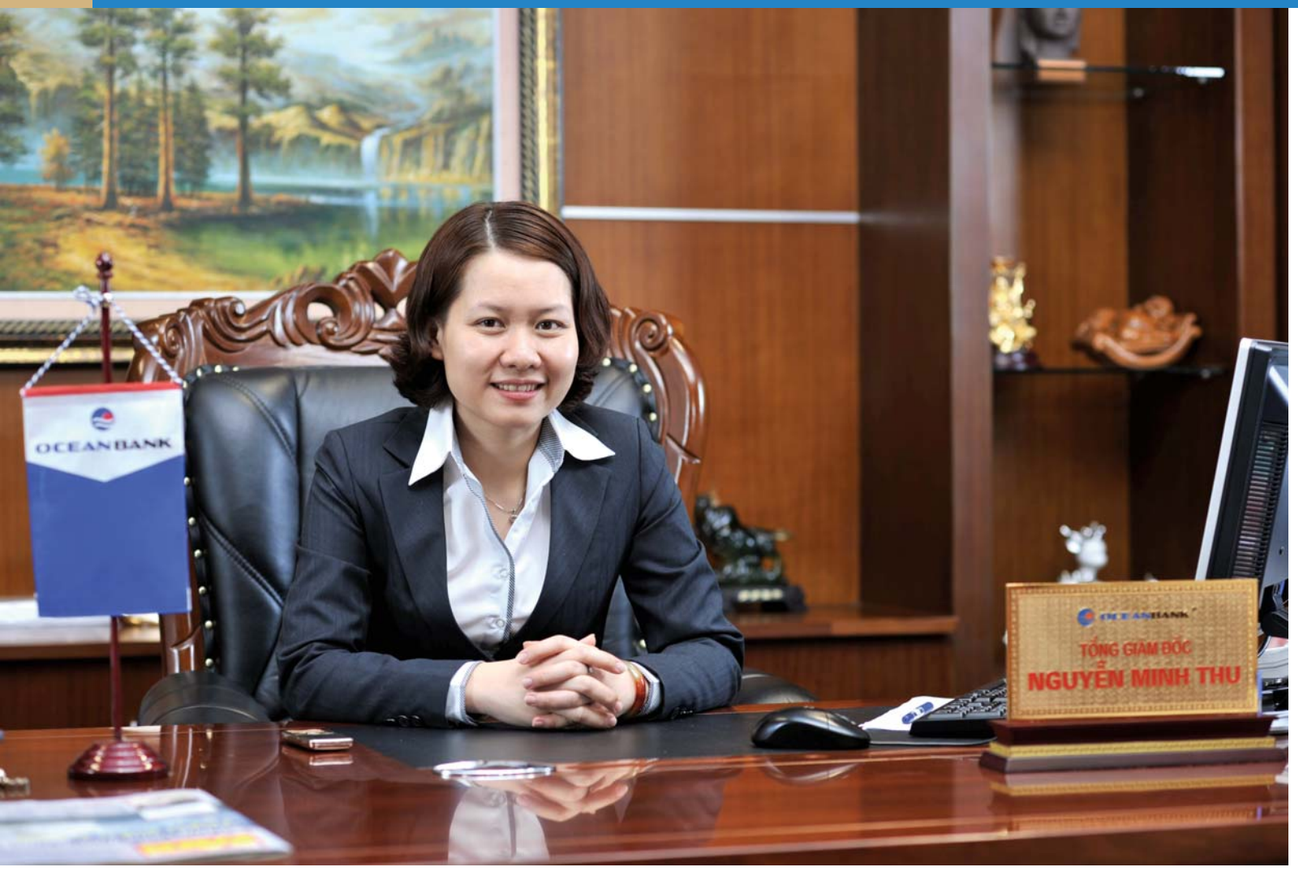

THÔNG ĐIỆP **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kính thưa Quý vị cổ đông, khách hàng

Năm 2011 chứng kiến nhiều biến động phức tạp của nền kinh tế thế giới, nợ công các nước Châu Âu tăng cao, đồng USD sụt giảm, giá vàng thế giới tăng đột biến với mức cao kỷ lục, hầu hết các ngân hàng lớn trên thế giới có nợ xấu tăng cao. 8 ngân hàng lớn nhất thế giới trong đó có Bank of America đã bị hạ xếp hạng khả năng sinh lời và hạ xếp hạng tín dụng. Ở Việt Nam, nền kinh tế đối mặt với những khó khăn, thách thức: Lạm phát và nhập siêu ở mức cao; Thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản sụt giảm mạnh; Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm; Lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao ảnh hưởng đến sản xuất - kinh doanh. Các bộ ngành, địa phương, ngân hàng và doanh nghiệp thực hiện Nghị quyết 11 của chính phủ và chỉ thị 01 của NHNN về cắt giảm đầu tư công, quyết liệt thắt chặt tín dụng kiềm chế lạm phát cũng như bình ổn hiệu quả thị trường tiền tệ để đạt được sự ổn định cho nền kinh tế.

Trong bối cảnh chung đó, OceanBank cũng phải đối mặt với một số khó khăn và áp lực nhất định như: phải thực hiện lộ trình giảm dư nợ phi sản xuất xuống còn 16% vào thời điểm 31/12; tăng dư nợ tín dụng sản xuất, xuất khẩu và nông nghiệp nông thôn trong bối cảnh lãi suất tăng cao…

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng và phấn đấu đạt mục tiêu kinh doanh do HĐQT đặt ra, Ban Điều hành đã có những giải pháp cụ thể trong điều hành hoạt động hệ thống. Các nhiệm vụ trọng tâm được Ban Điều hành xác định trong năm 2011 là: Nâng cao chất lượng tín dụng; Mở rộng cơ sở khách hàng; Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các tổng công ty, tập đoàn kinh tế lớn; Tăng tỷ trọng thu dịch vụ bằng việc phát triển các dịch vụ bán lẻ và ngân hàng điện tử; Nâng cao năng lực quản trị hệ thống và đào tạo nhân sự trình độ cao, xây dựng nền tảng bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Với mục tiêu an toàn trong mọi hoạt động để phát triển ngân hàng bền vững theo chiều sâu, năm 2011, OceanBank tập trung vào công tác nâng cao chất lượng tín dụng, rà soát cơ sở khách hàng và phát triển khách hàng có năng lực tài chính tốt. Ngay khi Nghị quyết 11 của Chính phủ và Chỉ thị 01 của NHNN ban hành, Ban Điều hành đã có lộ trình, kế hoạch chi tiết để chỉ đạo việc giảm dư nợ phi sản xuất còn 16% vào thời điểm 31/12/2011. Để tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, Ban Điều hành đã chỉ đạo xây dựng, triển khai một số gói sản phẩm dịch vụ ưu đãi cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu và nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hướng dòng chảy tín dụng vào những nơi cần thiết, có khả năng cải thiện hiệu quả đầu của doanh nghiệp và thu hút thêm lao động.

Năm 2011 là thời điểm mà sự sàng lọc và cạnh tranh trong lĩnh vực huy động vốn diễn ra gay gắt trên thị trường ngân hàng. Ban Điều hành đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ và hệ thống chi nhánh luôn bám sát diễn biến thị trường, xây dựng chính sách lãi suất ổn định và phù hợp với quy định của NHNN, nắm bắt tâm lý khách hàng để có những hành động kịp thời nhằm giữ chân và phát triển khách hàng. Các chương trình phát huy tiềm năng nội bộ trong công tác huy động vốn được phát động thường xuyên, rộng khắp trên toàn hệ thống. Chính sách khách hàng, sản phẩm được xem xét, điều chỉnh theo hướng phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng. Trong điều kiện hoạt động tương đối khó khăn của năm 2011, OceanBank đã chú trọng đúng mức đến công tác quản lý nguồn vốn, thanh khoản. Ngân hàng đã xác lập một cơ cấu vốn an toàn, hiệu quả, do đó đã chủ động về nguồn vốn, đảm bảo toàn bộ nhu cầu chi trả của khách hàng. Tỷ lệ an toàn tối thiểu (CAR) cuối năm 2011 đạt 11,74%, các chỉ số về an toàn hoạt động, quản trị thanh khoản trong năm luôn đảm bảo quy định của NHNN và OceanBank nằm trong tốp các NHTM có khả năng thanh khoản tốt trong cả năm 2011.

Tiếp tục chính sách mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác lớn, OceanBank đã duy trì tốt mối quan hệ, triển khai các thỏa thuận hợp tác toàn diện với đối tác lớn chiến lược Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài ra, OceanBank đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với 3 tổng công ty lớn của nhà nước là Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Sự hợp tác này đã tạo ra những đột phá và cơ hội mới, tạo chuyển biến tích cực nhằm tối đa hóa các lợi thế kinh doanh của OceanBank.

Song song với các giải pháp đồng bộ của HĐQT và Ban Điều hành, điều quan trọng làm nên thanh công và thương hiệu OceanBank trong thời gian qua là tinh thần đoàn kết và nỗ lực của tập thể CBNV toàn hệ thống đã sát cánh bên nhau vượt qua khó khăn và hoàn thành nhiệm vụ. Đó chính là sức mạnh nội lực lớn lao nhất làm điểm tựa cho sự phát triển vững vàng của OceanBank trong mọi thời điểm. OceanBank đã khép lại một năm hoạt động với nhiều cam go, thử thách bằng kết quả khả quan: Tổng tài sản đạt 62,639 tỷ đồng ; huy động vốn đạt 57,378 tỷ đồng; dư nợ tín dụng đạt 19,187 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 643 tỷ đồng. Chúng tôi ghi nhận trong mọi thành công của OceanBank có công sức và sự ủng hộ của tất cả khách hàng, nhân viên và địa phương - nơi OceanBank có mạng lưới hoạt động.

Năm 2012, OceanBank xác định sẽ phải tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn chung của nền kinh tế cũng như khó khăn trong hoạt động kinh doanh tài chính ngân hàng và sự cạnh tranh quyết liệt từ các ngân hàng trong nước. Tuy vậy, với những nền tảng đã tạo dựng được, Ban Điều hành và tập thể CBNV ngân hàng tự tin xác định đây là cơ hội để tiếp tục thực hiện lộ trình phát triển theo chiến lược kinh doanh đến 2015, khẳng định vị thế của mình trên thị trường ngân hàng tài chính Việt Nam./.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Thu

MÔ HÌNH TỔ CHỨC **HỆ THỐNG NGÂN HÀNG**

MÔ HÌNH TỔ CHỨC
HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

MÔ HÌNH TỔ CHỨC **HỆ THỐNG NGÂN HÀNG**

HỘI ĐỒNG **QUẢN TRỊ**

Ông Hà Văn Thắm
Chủ tịch

Bà Vũ Thị Thanh Hương
Phó Chủ tịch

Ông Đoàn Phụng
Thành viên

Bà Nguyễn Minh Thu
Thành viên

Ông Mai Văn Cường
Thành viên

BAN **KIỂM SOÁT**

Ông Bùi Văn Hải
Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Nguyệt
Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phượng
Thành viên

BAN **ĐIỀU HÀNH**

Bà Nguyễn Minh Thu
Tổng Giám đốc

Ông Lê Tuấn Anh
Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hoàn
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Mai Hương
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kiều Liên
Phó Tổng giám đốc

Ông Trần Thanh Quang
Phó Tổng giám đốc

Bà Lê Thị Thu Thủy
Phó Tổng giám đốc

Ông Võ Việt Trung
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Phương
Giám đốc Vận hành

MÔ HÌNH TỔ CHỨC **HỆ THỐNG NGÂN HÀNG**

SƠ ĐỒ **TỔ CHỨC**

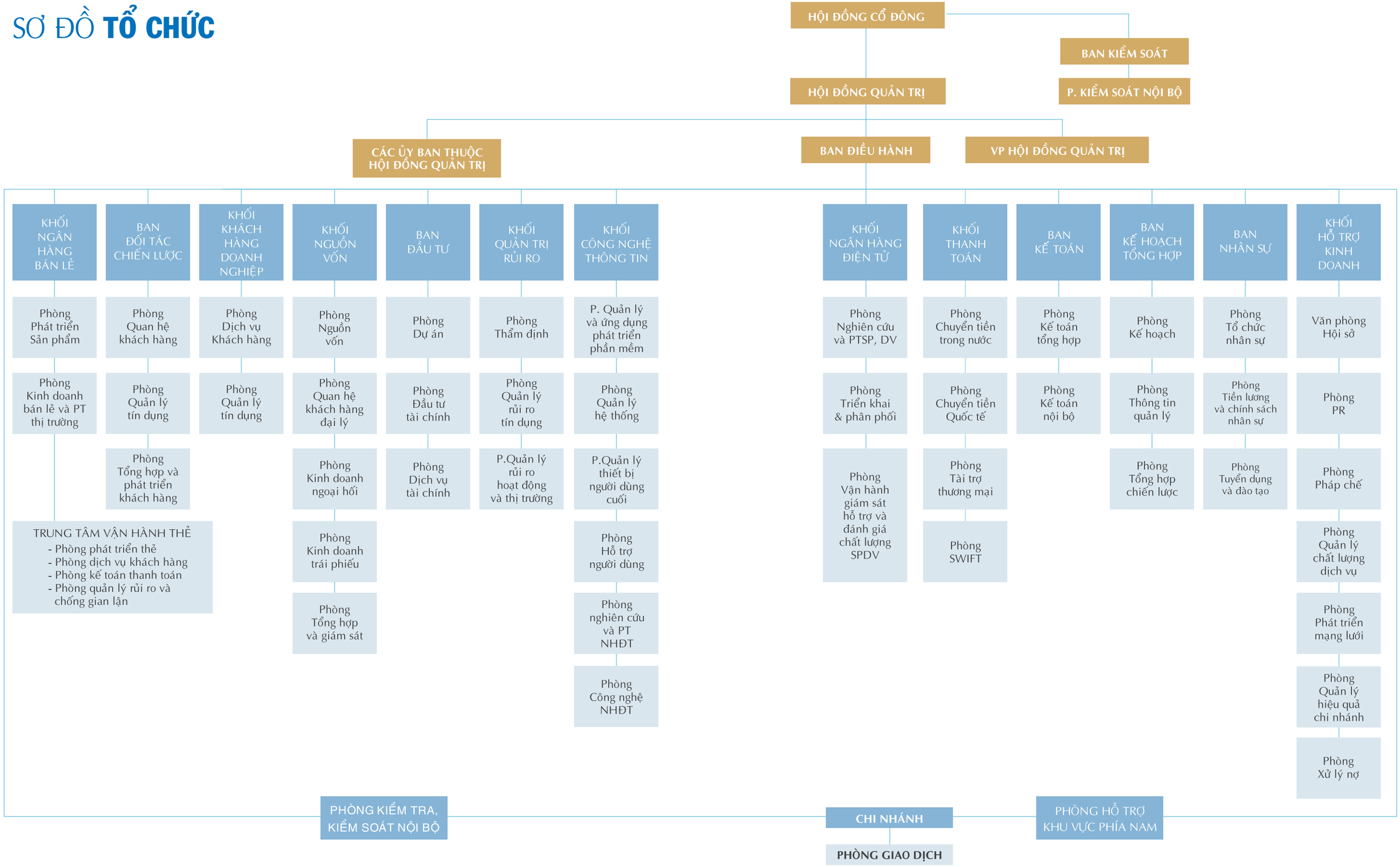

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG

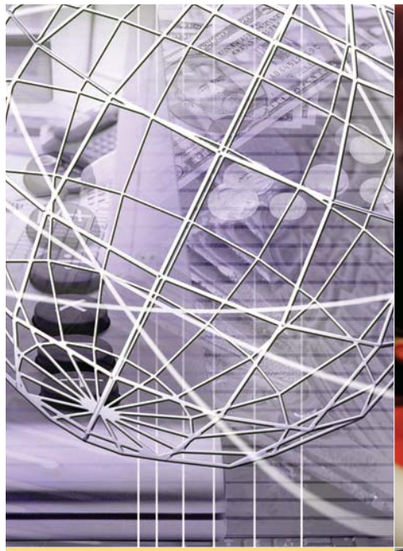

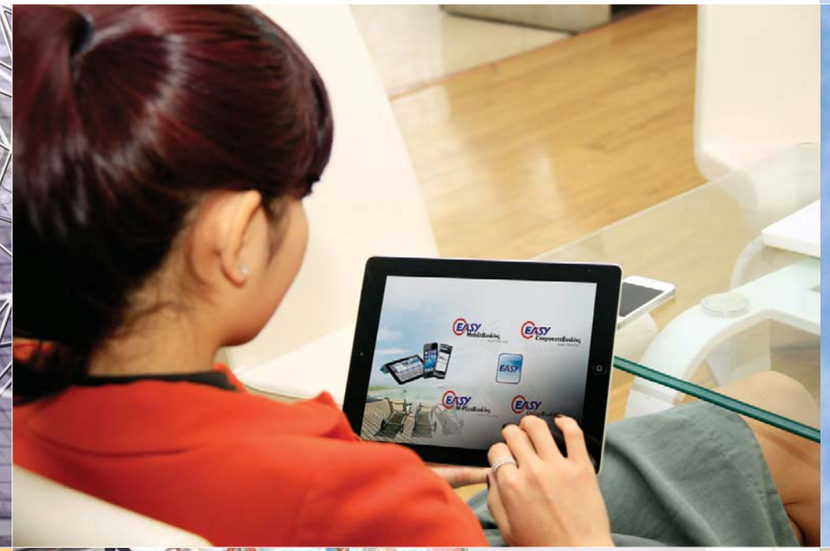

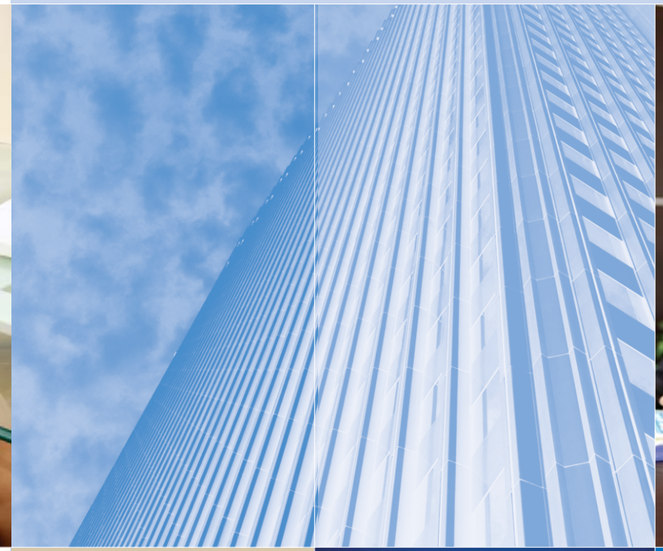

BÁO CÁO **HOẠT ĐỘNG**

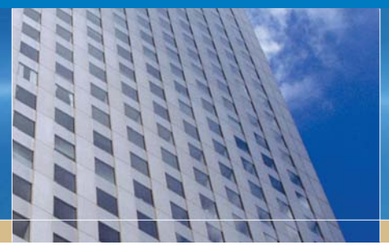

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HUY ĐỘNG VỐN

Năm 2011, trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt, OceanBank đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động huy động vốn bằng các giải pháp: phát triển mạng lưới, duy trì lãi suất ở mức phù hợp theo quy định của NHNN, đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn, gia tăng các chương trình khuyến mại và tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng.

Tổng huy động vốn toàn hệ thống OceanBank đến 31/12/2011 đạt 57.378 tỷ đồng quy đổi, trong đó, huy động nội tệ đạt 50.161 tỷ đồng, chiếm 87.4% tổng huy động vốn, huy động vốn ngoại tệ đạt 7.217 tỷ đồng, chiếm 12.6 % tổng huy động vốn.

Huy động vốn thị trường I của OceanBank đạt 38.590 tỷ đồng, chiếm 67.3% tổng nguồn vốn huy động. Đây là nguồn vốn nền tảng tạo điều kiện thuận lợi để OceanBank sử dụng vốn cho vay và đầu tư một cách an toàn, hiệu quả.

Nguồn vốn huy động thị trường II cũng chiếm vai trò quan trọng trong cơ cấu huy động vốn của OceanBank, đạt 18.788 tỷ đồng, chiếm 32.7 % tổng vốn huy động, thể hiện sự tin cậy và đánh giá cao khả năng tài chính của thị trường liên ngân hàng dành cho OceanBank. OceanBank chỉ sử dụng nguồn vốn này nhằm mục đích điều hòa thiếu hụt vốn tạm thời và kinh doanh an toàn trên thị trường liên ngân hàng.

Trong điều kiện hoạt động tương đối khó khăn của năm 2011, OceanBank hết sức chú trọng đến công tác quản lý nguồn vốn, thanh khoản. Ngân hàng đã xác lập một cơ cấu vốn an toàn, hiệu quả, do đó đã chủ động về nguồn vốn, đảm bảo toàn bộ nhu cầu chi trả của khách hàng. Các chỉ số về an toàn hoạt động, quản trị thanh khoản trong năm luôn đảm bảo quy định của NHNN và OceanBank nằm trong top các NHTM có khả năng thanh khoản tốt trong cả năm 2011.

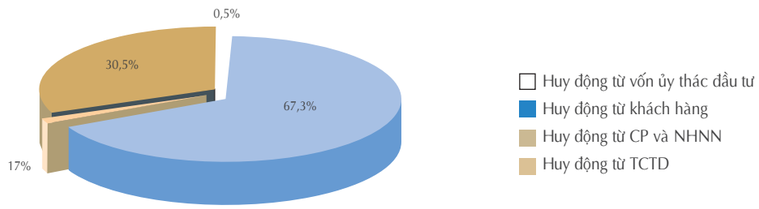

Cơ cấu vốn huy động theo loại hình huy động năm 2011

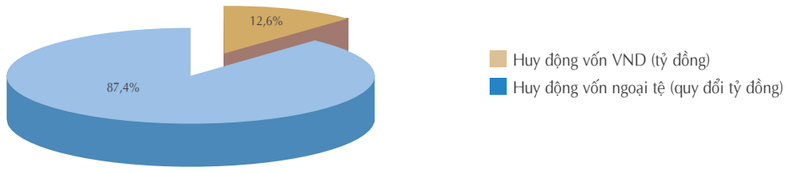

Cơ cấu vốn huy động theo loại tiền năm 2011

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

OceanBank xây dựng kế hoạch tăng trưởng tín dụng và xác định cụ thể lộ trình điều chỉnh tỷ trọng dư nợ phi sản xuất theo đúng chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 01/03/2011 về thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Trong năm 2011, OceanBank triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro và tăng trưởng tín dụng theo định hướng chọn lọc các khách hàng cá nhân, doanh nghiệp tốt để tài trợ, thu xếp vốn và tăng tỷ trọng dư nợ cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh; kiểm soát toàn bộ và chủ trương dừng tất cả các khoản đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản và chứng khoán, thu nợ đến hạn và kiên quyết tất toán các khoản vay phi sản xuất, ủy thác vốn. Kết quả tỷ trọng dư nợ phi sản xuất đã được điều chỉnh theo đúng qui định của NHNN: giảm xuống dưới 22% vào thời điểm 30/6 và dưới 16% vào thời điểm 31/12/2011.

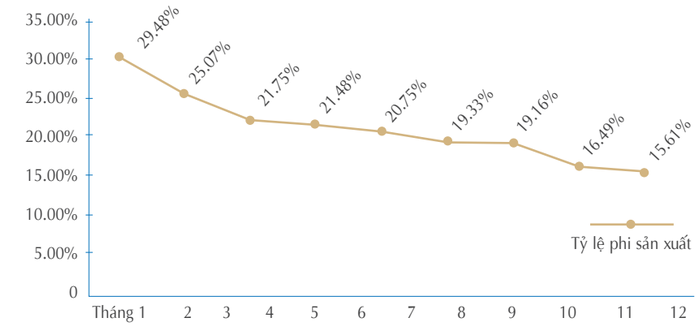

Tỷ lệ phi sản xuất

Năm 2011, tổng dư nợ của OceanBank đạt 19.187 tỷ đồng tăng trưởng 9% so với năm 2011, trong đó dư nợ ngắn hạn 8.282 tỷ đồng, giảm 15% so với 2010, dư nợ trung và dài hạn đạt 10.905 tỷ đồng tăng 38% so với 2010.

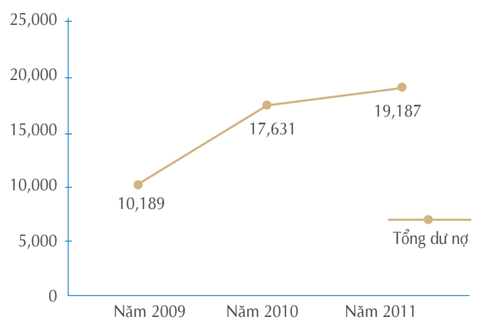

Tăng trưởng tổng dư nợ

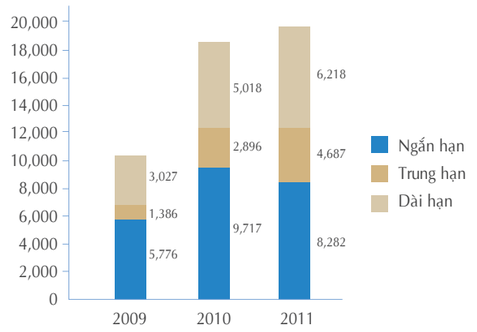

Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn

Việc kiểm soát và xử lý nợ xấu của OceanBank trong năm tiếp tục được chú trọng với công tác thực hiện phân loại, chuyển nhóm nợ và thực hiện trích lập dự phòng, xử lý rủi ro tín dụng theo đúng quy định, tỷ lệ nợ xấu cuối năm chỉ ở mức 2,08%.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận, trong năm 2011 OceanBank thực hiện chào bán cổ phần tăng vốn, với kết quả 50 triệu cổ phần được đăng ký mua đã nâng vốn điều lệ của OceanBank từ 3500 tỷ đồng lên 4000 tỷ đồng, góp phần nâng cao sức mạnh tài chính của Ngân hàng. Tỷ lệ an toàn tối thiểu (CAR) của OceanBank cuối năm 2011 vượt mức yêu cầu của NHNN, đạt 11,74%.

NGÂN HÀNG BÁN LẺ

Nắm bắt nhu cầu khách hàng, từ đó đưa ra các dịch vụ tài chính phù hợp và tối ưu hóa lợi ích của khách hàng là phương châm phát triển của Ngân hàng bán lẻ tại OceanBank.

Nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm

OceanBank chú trọng đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu thị trường, bám sát diễn biến và nắm bắt tâm lý khách hàng để có những hành động kịp thời phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Mức độ hài lòng của khách hàng khi thực hiện giao dịch tại OceanBank luôn là tiêu chí quan trọng nhất trong việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động bán lẻ.

Cũng từ những đòi hỏi của thị trường, năm 2011, OceanBank xây dựng mới và điều chỉnh hơn 60 sản phẩm, đạt tốc độ tăng trưởng 150% so với năm 2010 về số lượng sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính tới dân cư được OceanBank đẩy mạnh bằng việc mở rộng mạng lưới tại các địa phương là trọng điểm phát triển kinh tế, tại các địa phương có đông dân cư, ưu tiên hướng tới các khu vực nông thôn, đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối điện tử (ATM, POS, Internet, Mobile phone).

Chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ

Tùy theo đặc điểm của từng địa bàn, OceanBank thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng riêng biệt, phù hợp văn hóa bản địa. Lắng nghe, chia sẻ và thân thiện, OceanBank thu hút khách hàng bằng chất lượng dịch vụ cao cấp. Nguyên tắc 4T trong dịch vụ khách hàng "trung thực, tận tình, thân thiện, tiên tiến" được thấm nhuần tới từng CBNV và trở thành một trong những đặc điểm của văn hóa doanh nghiệp

Trong năm, OceanBank đã thực hiện 15 chương trình khuyến mãi và chăm sóc khách hàng. Một số chương trình mang tính đột phá đã được xây dựng và triển khai: Chương trình khách hàng thân thiết (Loyalty), Tích điểm "Đại Dương Xanh", Bộ sản phẩm Khách hàng ưu tiên (Ocean Privilege), chương trình tiết kiệm từ thiện "Nguồn sáng"…

Huy động vốn từ dân cư

8 tháng đầu năm 2011, nguồn vốn huy động từ dân cư của OceanBank đã có bước tăng trưởng rất tốt. Tuy nhiên, do gặp phải nhiều thách thức và khó khăn theo tình hình chung của thị trường tài chính tháng 9/2011 nguồn vốn huy động này đã bị giảm sút. OceanBank đã triển khai các chương trình thi đua, khuyến khích phát huy tiềm năng nội bộ từ cán bộ nhân viên, nhờ đó đã ngăn được đà sụt giảm nguồn vốn huy động từ dân cư, bắt đầu lấy lại đà tăng trưởng vào cuối năm với mức 6.921 tỷ đồng.

Tín dụng cá nhân

OceanBank chú trọng đến việc phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng cá nhân với các gói sản phẩm, dịch vụ phù hợp và mang tính đặc thù dành riêng cho từng nhóm khách hàng: Gói sản phẩm Hỗ trợ du học; Cho vay mua xe ô tô mới, Cho vay chiết khấu giấy tờ có giá… OceanBank đã bước đầu triển khai phần mềm quản lý tín dụng cá nhân hiện đại. Mức tăng

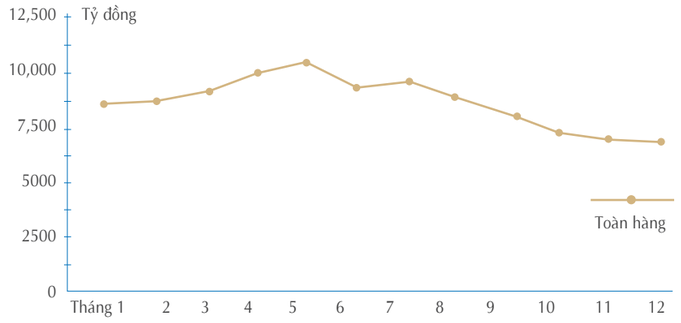

Biểu đồ 1. Tăng trưởng huy động vốn từ dân cư năm 2011

trưởng tín dụng đối với khách hàng cá nhân duy trì khá ổn định trong năm. Cụ thể, tính đến cuối năm 2011, tổng dư nợ tín dụng cá nhân đạt khoảng 2.031 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh thẻ

Hoạt động kinh doanh thẻ trong năm 2011 của OceanBank tiếp tục có bước tăng trưởng đáng kể. Hệ thống thanh toán thẻ được nâng cấp đồng thời với việc triển khai đều đặn các chương trình khuyến mại dành cho chủ thẻ OceanBank. Năm 2011 phát hành mới được 55.000 thẻ các loại, tăng 42% so với năm 2010. Số lượng ATM và POS cũng được gia tăng nhanh chóng với việc phát triển trên 100 ATM và 250 POS. OceanBank tập trung phát triển sản phẩm và tiện ích gia tăng đối với dịch vụ thẻ như phát triển thẻ đồng thương hiệu với các đối tác lớn. Đến năm 2011, OceanBank đã phát hành nhiều loại thẻ, gồm: thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế (Visa Debit), thẻ đồng thương hiệu OceanBank - PVOil (OP Card), thẻ đồng thương hiệu OceanBank - OCH.

Hệ thống thanh toán thẻ được nâng cấp gắn với việc quản trị rủi ro thẻ được triển khai trên toàn hệ thống bằng việc kiểm tra định kỳ ATM để kịp thời phát hiện và phòng tránh trường hợp ATM có gắn thiết bị lạ nhằm đánh cắp thông tin chủ thẻ; nghiên cứu, rà soát, xây dựng và ban hành các quy trình liên quan đến nghiệp vụ thẻ; cập nhật kịp thời thông tin mới về sản phẩm và rủi ro trên thị trường thẻ…

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, trong năm 2011, trung tâm hỗ trợ và chăm sóc khách hàng 24/7 (Call Center - 1800588815) được đưa vào vận hành và đã trở thành kênh giao tiếp chính giữa khách hàng và ngân hàng. Với hệ thống chăm sóc khách hàng được nâng cấp, khách hàng có thể nhận được hỗ trợ tức thời của ngân hàng, mọi lúc mọi nơi, trong việc cung cấp và xử lý thông tin về các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.

Từ những kết quả đã đạt được trong năm 2011, OceanBank xác định hoạt động ngân hàng bán lẻ năm 2012 là tạo sự bứt phá, phát triển mạnh mẽ về quy mô và chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, phát triển dịch vụ mới có hàm lượng công nghệ cao và không ngừng gia tăng hiệu quả kinh doanh bán lẻ.

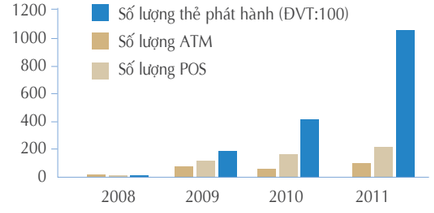

Tình hình phát triển hoạt động thẻ của OceanBank

BÁO CÁO **HOẠT ĐỘNG**

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

Năm 2011, OceanBank đã chú trọng phát triển đa dạng sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp với các gói sản phẩm, dịch vụ phù hợp và mang tính đặc thù riêng cho từng nhóm khách hàng; ban hành bộ sản phẩm trọn gói dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và các chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nông sản, cho vay phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn... Xây dựng quy định về phân tích hiệu quả sinh lời tổng thể trên một doanh nghiệp để áp dụng chính sách khách hàng.

Trong năm OceanBank tiếp tục duy trì tốt các mối quan hệ, triển khai các thỏa thuận hợp tác toàn diện đã ký với các doanh nghiệp, đối tác chiến lược, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên. Bên cạnh việc trực tiếp cung cấp các sản phẩm tín dụng, OceanBank còn đẩy mạnh công tác thu xếp vốn cho các dự án lớn như: Nhà máy Phong điện Phú Quý của Tổng công ty điện lực dầu khí (PV Power); tư vấn thu xếp vốn cho nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. OceanBank cũng đã cung cấp tốt dịch vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế và nỗ lực cân đối nguồn ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu thanh toán của các đơn vị trong ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

Năm 2011 cũng đánh dấu việc OceanBank tiếp tục ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với các Tổng công ty nhà nước lớn: Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam... Đây là những bước tiến quan trọng trong việc mở rộng cơ sở khách hàng có năng lực tài chính lành mạnh để đi đến thiếp lập những quan hệ đối tác toàn diện trong việc cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, cấp tín dụng và bảo lãnh thương mại...

NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

OceanBank đã phát triển thêm hàng loạt các dịch vụ tiện ích cho khách hàng như: Thanh toán hóa đơn dịch vụ, nạp tiền cho thuê bao điện thoại, nạp tiền ví điện tử, thanh toán hóa đơn truyền hình cáp...Trong quý II/2011, OceanBank chính thức giới thiệu dịch vụ gửi tiết kiệm điện tử trên InternetBanking (E-Savings); kết nối thành công với cổng thanh toán Onepay, cổng thanh toán Ngân lượng và cổng thanh toán Smartlink; thực hiện các dự án nâng cấp hệ thống quản lý Thẻ, dự án Master Card... nhằm phát triển hơn nữa các sản phẩm dịch vụ đáp ứng xu hướng của tương lai.

Tháng 7/2011, OceanBank thành lập khối Ngân hàng điện tử. Với sự đầu tư chủ động, có định hướng và theo chiều sâu, OceanBank phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại và tin cậy. OceanBank đã đưa ra bộ nhận diện sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử mới là Easy Online Banking, Easy Mobile Banking, Easy M-Plus Banking, Easy Corporate Banking ra đời với thông điệp "Easier than Ever" (Dễ dàng hơn bao giờ hết) tích hợp nhiều tiện ích vượt trội sẽ đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Đây là những bước đi vững chắc của OceanBank trong việc phấn đấu mục tiêu nằm trong Top 5 Ngân hàng hàng đầu Việt Nam có số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và doanh số giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử chiếm tỷ trọng cao nhất trong tương lai.

THANH TOÁN

Vượt qua những khó khăn do khủng hoảng tài chính, hoạt động thanh toán trong năm qua đã đóng góp vào thành công chung của toàn ngân hàng với những kết quả đáng khích lệ.

Trong năm 2011, OceanBank liên tục bổ sung thêm những ứng dụng mới trên các phần mềm phục vụ thanh toán nhằm góp phần đẩy nhanh tốc độ xử lý và nâng cao độ an toàn, chính xác cho các giao dịch. Doanh thu từ hoạt động thanh toán năm 2011 của OceanBank đạt 17,362 tỷ đồng, tăng trưởng 67% so với năm 2010.

Về thanh toán quốc tế, với những hỗ trợ mới của hệ thống phần mềm, 100% giao dịch thanh toán của OceanBank đã được xử lý an toàn, chính xác với tổng số lượng điện và doanh số hoạt động thanh toán tăng gấp gần 2 lần so với năm 2010. Đặc biệt, sự kiện OceanBank được Ngân hàng Wells Fargo trao tặng giải thưởng ngân hàng có điện đạt chuẩn cao (STP) đã đánh dấu sự ghi nhận của các đối tác nước ngoài đối với hoạt động thanh toán quốc tế của OceanBank. Giải thưởng STP cho thấy khả năng của OceanBank trong việc đáp ứng nhanh chóng và chính xác các yêu cầu thanh toán quốc tế, giảm thời gian và chi phí tra soát, giúp giao dịch thanh toán quốc tế của khách hàng chuẩn xác và nhanh nhất. Với sự mở rộng không ngừng của hệ thống quan hệ đại lý, thương hiệu OceanBank đã vươn tới nhiều quốc gia trên thế giới. Tính đến cuối năm 2011, OceanBank đã thiết lập quan hệ đại lý với trên 250 ngân hàng đại lý tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, mở nhiều tài khoản Nostro tại các ngân hàng lớn ở nước ngoài.

Song song việc triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ, OceanBank tiếp tục tăng cường mở rộng mạng lưới khách hàng, ký các thỏa thuận cung cấp dịch vụ thanh toán cho các nhóm khách hàng đặc biệt như các khách hàng dầu khí năng lượng, Tông Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines), Tập đoàn Công Nghiệp Tầu Thủy Việt Nam (Vinashin), Tổng công ty đường sắt Việt Nam. Ngoài ra, OceanBank đã và đang triển khai các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thông qua tài khoản như: Dịch vụ thu hộ học phí dành cho các Trường ĐH và Cao đẳng, dịch vụ thanh toán hóa đơn điện tử (điện thoại, truyền hình cáp, Internet...), dịch vụ trả lương qua tài khoản, dịch vụ kiểm soát mục đích thanh toán.

Tiếp nối những kết quả đã đạt được trong năm 2010, công tác phòng chống rửa tiền tại OceanBank nói chung và trong hoạt động thanh toán nói riêng đã được quán triệt đến từng cán bộ làm nghiệp vụ thanh toán, kết hợp với việc cải tiến chương trình, hệ thống báo cáo để không những đáp ứng được yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước mà còn đảm bảo được độ an toàn cao cho các giao dịch thanh toán của OceanBank.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại OceanBank, chiến lược quản trị rủi ro luôn gắn liền với chiến lược kinh doanh của ngân hàng; công tác quản trị rủi ro luôn là một nhiệm vụ quan trọng được đưa lên hàng đầu, đặc biệt trong tình hình thị trường có nhiều biến động. Năm 2011, hệ thống quản trị rủi ro của OceanBank tiếp tục được hoàn thiện. Nhiệm vụ quản trị rủi ro được thực hiện đồng bộ từ cấp Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đến các phòng ban của Hội sở và chi nhánh. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc, Khối Quản trị rủi ro làm đầu mối phối hợp với các phòng ban trên toàn hệ thống để xem xét điều chỉnh kịp thời, thường xuyên các công tác về quản trị rủi ro. Tại OceanBank, quản trị rủi ro được phân thành những rủi ro trọng yếu để quản trị, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

Rủi ro tín dụng

Năm 2011, OceanBank hoàn thiện mô hình phê duyệt tín dụng tập trung bằng việc thành lập hội đồng phê duyệt tín dụng cấp hai. Với việc phê duyệt tín dụng với mô tập trung theo nhiều cấp phê duyệt đã phân luồng phê duyệt hồ sơ tín dụng theo các mức từ Chi nhánh, đến các khối chức năng, hội đồng tín dụng cấp hai và hội đồng tín dụng cấp một. Mô hình này đảm bảo cho Ngân hàng luôn kiểm soát được rủi ro khách hàng, duy trì được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp.

Chính sách quản trị rủi ro tín dụng trong năm qua cũng được OceanBank tiếp tục rà soát, cập nhật theo tình hình thị trường, đặc biệt đã cải tiến và ban hành hàng loạt văn bản quan trọng: Chính sách tín dụng, Quy định cho vay, Quy định bảo lãnh, Quy định về phê duyệt tín dụng… và một số chỉ thị tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng của OceanBank. Ngoài ra, OceanBank cũng tập trung quản lý rủi ro thông qua các giới hạn tín dụng với nhóm khách hàng, các nhóm ngành nghề phi sản xuất, nghiêm túc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Rủi ro thị trường

Nhằm đảm bảo phòng chống các rủi ro trong kinh doanh ngoại hối, chứng khoán cũng như rủi ro về lãi suất, thanh khoản, trong năm 2011, các mô hình quản trị rủi ro thị trường tiếp tục được cải tiến và hoàn thiện các quy trình hiện có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Thiết lập hạn mức về trạng thái ngoại hối cho tất cả các loại ngoại tệ, tiến hành kiểm soát hạn mức hàng ngày, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và mục đích quản lý rủi ro nội bộ được Ủy ban ALCO điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Đưa ra những cảnh báo về sự biến động của thị trường để kịp thời đưa ra những phương án tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Kiểm soát các rủi ro lãi suất và thanh khoản:

Ủy ban ALCO của Ngân hàng thực hiện các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đánh giá rủi ro lãi suất. Các quyết định điều chỉnh chính sách lãi suất của OceanBank đều dựa trên sự phân tích thấu đáo về môi trường kinh doanh và các công cụ kỹ thuật đo lường lãi suất.

Năm 2011, đối với hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản, OceanBank đã xây dựng các công cụ theo dõi, giám sát và đảm bảo hàng ngày các tỷ lệ an toàn đảm bảo tuân thủ đầy đủ những quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ tiêu thanh khoản nội bộ của Ngân hàng.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là các rủi ro xảy ra do quy trình, con người và hệ thống không phù hợp hay vận hành không đúng hoặc do các sự kiện bên ngoài. Đây là loại rủi ro được OceanBank đặc biệt quan tâm. Trong năm 2011, công tác quản trị rủi ro hoạt động của OceanBank đã có nhiều bước tiến thông qua việc bắt đầu xây dựng các chương trình hoạt động cốt lõi của quản trị rủi ro hoạt động, bao gồm thu thập dữ liệu tổn thất, đánh giá rủi ro và đo lường chỉ số rủi ro thông qua hệ thống đánh giá rủi ro hoạt động KRIs. Ngoài ra, trong năm 2011, Khối quản trị rủi ro cũng đã tiếp nhận thêm nhiệm vụ là xem xét yếu tố rủi ro hoạt động trong các quy trình, sản phẩm mới trước khi ban hành.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Quy mô nhân sự

Một trong những triết lý kinh doanh của OceanBank, đó là nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá nhất. Cùng với việc mở rộng mạng lưới và quy mô nguồn nhân lực, đến hết năm 2011, đội ngũ nhân sự của OceanBank là 1.848 cán bộ, tăng 36% so với năm 2010. Với tốc độ phát triển không ngừng, OceanBank đang dần dần trẻ hóa đội ngũ nhân sự để xây dựng một lớp nhân sự kế cận đủ đáp ứng những đòi hỏi khắt khe trong môi trường kinh doanh. Rất nhiều cán bộ trẻ đã được Ban điều hành OceanBank tin tưởng giao vị trí quản lý chủ chốt trong Ngân hàng. Đây là một đội ngũ nhân sự trẻ, đồng đều về chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ và đặc biệt là nhạy bén, năng động trong môi trường kinh doanh nhiều cạnh tranh.

Biểu đồ quy mô nhân sự

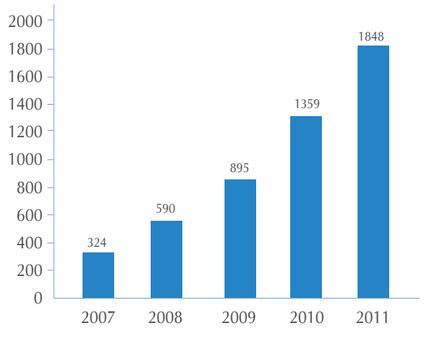

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ
1	Tiến sỹ	5	0.27%
2	Thạc sỹ	82	4.44%
3	Đại học	1363	73.76%
4	Cao đẳng	129	6.98%
5	Trung cấp	123	6.66%
6	THPT	146	7.90%
Tổng cộng		**1848**	**100%**

Biểu đồ cơ cấu nhân sự theo trình độ:

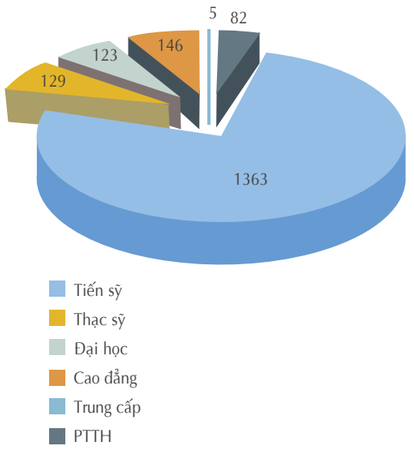

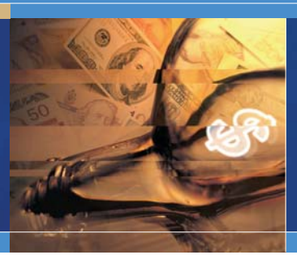

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp

Chính sách đào tạo:

Để nâng cao chất lượng và giúp CBNV phát huy hết năng lực chuyên môn của mình, trong năm 2011, công tác đào tạo đã đặc biệt được OceanBank chú trọng đầu tư. Ngân sách cho công tác đào tạo là 6.5 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 4% trên tổng chi phí cho CBNV toàn hệ thống.

Ngoài các khóa đào tạo để cập nhật và bổ sung kỹ năng, kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho CBNV trên toàn hệ thống thì OceanBank còn tập trung đào tạo cho đội ngũ quản lý, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung tại các Đơn vị của Hội sở và các Chi nhánh trên toàn quốc. Bên cạnh đó, OceanBank thường xuyên cử CBNV tham dự các hội nghị, hội thảo tập huấn, khóa đào tạo do các tổ chức trong nước và quốc tế tổ chức, bao gồm cả việc cử CBNV tham dự các khóa đào tạo, hội thảo tại nước ngoài. Năm 2011, hơn 2.000 lượt CBNV đã tham gia 66 khóa đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với chức năng công việc.

Ngoài đội ngũ giảng viên nội bộ có chất lượng là các cán bộ quản lý chủ chốt tại các Khối, Ban, Phòng Hội sở, OceanBank luôn tìm kiếm và hợp tác với các Tổ chức đào tạo có uy tín, các giảng viên, chuyên gia tư vấn cao cấp để tổ chức thực hiện các khóa đào tạo đạt chất lượng cao.

Chính sách tìm kiếm, tuyển dụng và sử dụng nhân tài:

OceanBank luôn luôn chú trọng đến công phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm, luôn theo dõi, tìm kiếm và thu hút các cá nhân đặc biệt về với Ngân hàng, đồng thời có các chế độ ưu tiên, đãi ngộ, khen thưởng xứng đáng với năng lực và hiệu quả làm việc của cán bộ. Chính sách thưởng kinh doanh, thưởng vượt chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm, thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến; thưởng trong các dịp lễ tết của Quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng OceanBank... được áp dụng thường xuyên, liên tục tạo môi trường thi đua, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ trong hoạt động của toàn ngân hàng.

Ngoài ra, OceanBank xây dựng chế độ đánh giá quá trình công tác hàng quý đối với đội ngũ cán bộ quản lý cũng như chuyên viên để từ đó làm căn cứ đề bạt, nâng bậc lương cho những cán bộ có năng lực, hoàn thành xuất sắc công việc.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 về CNTT được OceanBank xác định là: Hoàn thiện và tối ưu hóa qui trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng các yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm chi phí tối đa. Với mục tiêu này, OceanBank đã triển khai thành công giai đoạn I việc thực hiện quản lý dịch vụ công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn ITIL Ver3. Với việc triển khai hệ thống này, toàn bộ các dịch vụ của CNTT cung cấp đều được quản lý theo các qui trình tiêu chuẩn, nhằm mang lại cho người dùng sự hài lòng cao nhất. Đồng thời, nguồn lực CNTT cũng được phân bổ một cách hợp lý và hiệu quả, qua đó giúp ngân hàng giảm thiểu chi phí vận hành, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ.

Với việc làm chủ được hệ thống phần mềm ngân hàng lõi (Core banking) Flexcube, chỉ trong một thời gian ngắn, OceanBank đã đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử tạo ra các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao. Với các sản phẩm hiện đại có tính đột phá, sự khác biệt rõ rệt đã tạo ra nhiều lợi thế cho OceanBank trong việc cạnh tranh trên thị trường.

Cuối năm 2011, OceanBank cũng chính thức khởi động dự án nâng cấp hệ thống chuyển mạch thẻ, nhằm chuyển đổi toàn bộ hệ thống chuyển mạch thẻ cũ sang hệ thống mới của Smart Vista. Sau khi hoàn thành, bên cạnh việc đáp ứng được một số lượng thẻ lớn nhằm đảm bảo cho việc mở rộng kinh doanh bán lẻ trong thời gian tới, hệ thống này còn cho phép triển khai được nhiều các sản phẩm dịch vụ thẻ trong tương lai.

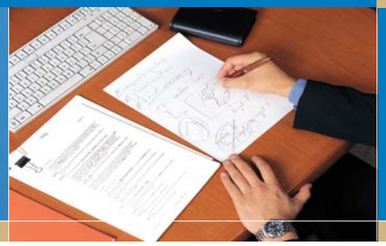

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Tính đến cuối năm 2011, số lượng chi nhánh trên toàn hệ thống OceanBank là 21 Chi nhánh, trong đó có 6 Chi nhánh được thành lập trong năm 2011, gồm: Thanh Hóa, Bình Dương, Nha Trang, Đồng Nai, Quy Nhơn, Thái Bình, nâng tổng số PGD/QTK và chi nhánh của OceanBank có mặt trên toàn quốc lên con số hơn 100 điểm giao dịch. Các chi nhánh được thành lập trên cơ sở định hướng chiến lược lâu dài của ngân hàng và đặc biệt coi trọng tính hiệu quả và tính liên kết, tạo thành một chuỗi cung cấp dịch vụ hoàn chỉnh và tiện lợi, tạo ra những lợi ích nhóm cao nhất cho những khách hàng sử dụng các dịch vụ của OceanBank trong cùng khu vực.

Song song với việc phát triển mạng lưới tại các địa phương là trọng điểm phát triển kinh tế, có đông dân cư, trong năm ngân hàng cũng đã phát triển gia tăng các kênh phân phối điện tử (ATM, POS, Internet, Mobile banking);

Năm 2012, OceanBank có kế hoạch mở rộng thêm 17 chi nhánh trên các địa bàn tỉnh, thành phố, đồng thời tập trung điều chỉnh, nâng cấp và mở hệ thống Phòng giao dịch tại khu vực Hà Nội và Hồ Chí Minh cũng như đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối điện tử.

Trong thời gian tới, OceanBank định hướng sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới tại những tỉnh/thành phố trọng điểm và tiềm năng của Việt Nam, phục vụ ngày càng đông đảo khách hàng và những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như dầu khí, giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và sản xuất nông nghiệp.

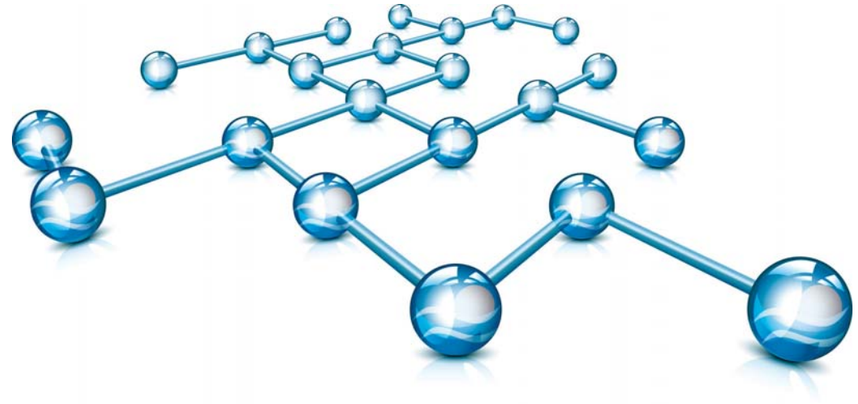

THÀNH TỰU

- Giải STP (Straight - Through - Processing) Award cho ngân hàng có tỷ lệ điện đạt chuẩn cao do Ngân hàng Wells Fargo trao tặng.
- Top 100 Ngân hàng có Bảng cân đối kế toán mạnh nhất (an toàn nhất) Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Strongest Balance Sheet) do Tạp chí The Asian Banker xếp hạng.
- Top 500 Ngân hàng lớn nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Largest Banks) do tạp chí The Asian Banker xếp hạng.
- Giải Sao Vàng Đất Việt 2011 do Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ trao tặng.
- Giải thưởng Sao Đỏ 2011 dành cho Chủ tịch HĐQT, Ông Hà Văn Thắm do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.
- Đứng thứ 177 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng thứ 40 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. (Bảng xếp hạng VNR 500).
- Đứng thứ 88/1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất (Bảng xếp hạng V1000) và đứng thứ 22/200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất.
- Giải thưởng Tin và Dùng 2011 do Thời Báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.

Giải Sao Vàng Đất Việt 2011 do Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ trao tặng

Giải thưởng Sao Đỏ 2011 dành cho Chủ tịch HĐQT, Ông Hà Văn Thắm do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng

AN SINH **XÃ HỘI**

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, chung sức với cộng đồng bằng những chương trình từ thiện thiết thực là mục tiêu và cũng là hành động mà OceanBank đã triển khai trong nhiều năm qua. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động cộng đồng này của OceanBank trong năm 2011 là hơn 9 tỷ đồng.

Khởi đầu cho các chương trình từ thiện năm 2011, tháng 1/2011, OceanBank đã ủng hộ 350 triệu đồng cho người nghèo tỉnh Bắc Giang hưởng ứng chương trình "Tết vì người nghèo" do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phát động. Cùng với các món quà Tết OceanBank cũng đã trích quỹ phúc lợi mua máy tính dành cho người mù sử dụng, ủng hộ cứu trợ trẻ em tàn tật thành phố Hà Nội, tặng quà và sổ tiết kiệm cho các thương binh và gia đình thương binh liệt sĩ nhân ngày 27/7, ủng hộ nạn nhân có chất độc da cam, tặng các suất học bổng cho học sinh giỏi là con của cán bộ chiến sỹ đang làm việc tại vùng biên giới và hải đảo trên toàn quốc, góp quỹ đền ơn đáp nghĩa tại Cà Mau...

Trong năm 2011 OceanBank chủ động dành nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ xây dựng và trùng tu các công trình văn hóa xã hội như: tài trợ 1 tỷ đồng xây dựng trường học Tiểu học Ý Yên (Nam Khánh), 1 tỷ đồng xây dựng nhà hiệu bộ Trường THPT Nam Đàn (Nghệ An), gần 200 triệu đồng xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn ở Hải Dương, 900 triệu đồng xây dựng Trạm Y tế xã Hoa Lộc (Hậu Lộc, Thanh Hóa)...

Điểm nhấn trong hoạt động cộng đồng của OceanBank trong năm 2011 đó là chương trình từ thiện Nguồn sáng. Với thông điệp "Nguồn sáng cho đời sáng!" chương trình từ thiện này được OceanBank triển khai từ tháng 8/2011 nhằm hỗ trợ người nghèo có cơ hội được điều trị và phẫu thuật miễn phí các bệnh về mắt có khả năng gây mù, góp phần giảm bớt tỷ lệ mù loà, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Ngay từ khi chương trình được khởi động Ban lãnh đạo Ngân hàng xác định đây là hoạt động quan trọng, thiết thực và quyết tâm thực hiện chương trình trong vòng 3 năm với ngân sách dự kiến lên tới hơn 3 tỷ đồng.

Với định hướng hoạt động luôn gắn sự phát triển kinh doanh với trách nhiệm xã hội, OceanBank đã trở thành một trong số những ngân hàng tiên phong trong các hoạt động cộng đồng. Đây cũng chính là nền tảng cho sự phát triển bền vững của OceanBank trong lộ xây dựng thương hiệu uy tín của mình.

DẤU ẤN **NĂM 2011**

DẤU ẤN
NĂM 2011

Phát triển bền vững và ổn định

HĐQT và Ban điều hành OceanBank xác định công tác quan trọng trong năm 2011 là nâng cao chất lượng tín dụng, mở rộng cơ sở khách hàng, hợp tác toàn diện với các tổng công ty, tập đoàn kinh tế lớn, nâng cao năng lực quản trị hệ thống và đào tạo nhân sự trình độ cao. OceanBank thực hiện tăng thu dịch vụ bằng việc phát triển các dịch vụ bán lẻ và ngân hàng điện tử, xây dựng nền tảng bền vững trong hoạt động và tạo dựng được cơ sở khách hàng rộng lớn.

Dưới sự lãnh đạo của HĐQT và Ban điều hành cùng những nỗ lực của toàn thể CBNV, OceanBank đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan với sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Đến hết quý IV/2011, OceanBank đạt lợi nhuận 643 tỷ đồng, dư nợ tín dụng là 19.187 tỷ đồng, tổng huy động 57.378 tỷ đồng. Trong năm 2011, OceanBank luôn nằm trong top các ngân hàng có khả năng thanh khoản tốt trên thị trường. Quý II vừa qua, OceanBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 3.500 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng.

Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ

Trong năm 2011 OceanBank tập trung đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ mới với việc xây dựng mới và điều chỉnh rất nhiều dòng sản phẩm dịch vụ: Tiết kiệm Tài lộc mới, Tiết kiệm điện tử E - Savings, sản phẩm cho vay mua xe ô tô mới, gói sản phẩm ưu đãi cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ... Đặc biệt, trong năm 2011, OceanBank triển khai chương trình mang tính đột phá - chương trình tiết kiệm từ thiện "Nguồn sáng" để gắn thêm quyền lợi cho khách hàng, đặc biệt là nâng cao yếu tố chia sẻ và thân thiện.

Cũng trong năm OceanBank thường xuyên triển khai các chương trình dự thưởng, tặng thưởng, chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới được như: Tích điểm "Đại Dương Xanh", "Vui đón hè sang - Rộn ràng quà tặng", "18 năm đồng hành cùng OceanBank", "Tưng bừng đón xuân - Rước lộc vào nhà", đồng thời triển khai một loạt các chương trình khuyến mại dành cho chủ thẻ OceanBank.

Hoàn thiện chất lượng dịch vụ

OceanBank luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ của ngân hàng nhất quán theo văn hóa chia sẻ và thân thiện. Văn hóa này được thể hiện ở bộ phận tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp với khách hàng, tạo sự hài lòng nhất cho khách hàng. Trung tâm hỗ trợ và chăm sóc khách hàng 24/7 của OceanBank qua hotline miễn phí 1800 58 88 15 ra đời đã trở thành kênh giao tiếp chính giữa khách hàng và ngân hàng trong việc cung cấp và xử lý thông tin về các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.

Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác lớn

Năm 2011 OceanBank cũng đã ký thoả thuận hợp tác toàn diện với một số tổng công ty nhà nước lớn như: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Ngân hàng cũng đã mở rộng quan hệ đại lý với gần 200 ngân hàng lớn trên thế giới. Đây là những bước tiến quan trọng của OceanBank trong việc mở rộng cơ sở khách hàng có năng lực tài chính lành mạnh để đi đến thiết lập những quan hệ đối tác toàn diện trong việc cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, cấp tín dụng và bảo lãnh thương mại...

Phát triển ngân hàng điện tử theo chiều sâu

Tháng 7/2011, OceanBank chính thức thành lập Khối Ngân hàng điện tử. Với sự đầu tư một cách chủ động, có định hướng và theo chiều sâu, OceanBank đã phát triển các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại và tin cậy. Các dịch vụ ngân hàng điện tử mới là Easy Online Banking, Easy Mobile Banking, Easy M-Plus Banking, Easy Corporate Banking ra đời với thông điệp "Easier than Ever" (Dễ dàng hơn bao giờ hết) tích hợp nhiều tiện ích vượt trội sẽ đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. OceanBank đang tập trung hướng tới mục tiêu nằm trong Top 5 ngân hàng hàng đầu Việt Nam có số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và doanh số giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử chiếm tỷ trọng cao nhất trong tương lai.

Mở rộng mạng lưới điểm giao dịch

Năm 2011, với việc đưa vào hoạt động các chi nhánh tại Nha Trang, Đồng Nai, Thái Bình, Quy Nhơn, Thanh Hóa, Bình Dương, OceanBank đã đưa tổng số chi nhánh của mình lên con số là 21, số PGD và quỹ tiết kiệm của OceanBank đạt trên 100 điểm giao dịch. Không chỉ tập trung mở rộng số lượng điểm giao dịch, OceanBank còn tập trung hoàn thiện hệ thống mạng lưới bằng việc củng cố, tăng cường đội ngũ nhân sự giỏi nghề, giàu kinh nghiệm, tận tâm và thân thiện với khách hàng. Các chi nhánh được thành lập trên cơ sở định hướng chiến lược lâu dài của ngân hàng và đặc biệt coi trọng ở tính hiệu quả và tính liên kết, tạo thành một chuỗi cung cấp dịch vụ hoàn chỉnh và tiện lợi, tạo ra những lợi ích nhóm cao nhất cho những khách hàng sử dụng các dịch vụ của OceanBank trong cùng khu vực.

Đội ngũ nhân sự phát triển nhanh chóng, chiến lược nhân sự ngày càng hoàn thiện

Năm 2011, số lượng nhân sự của OceanBank không ngừng tăng nhanh. Tính đến 31/12/2011 OceanBank có 1848 CBNV trên toàn hệ thống, tăng 489 người so với năm 2010, tỷ lệ tăng trưởng đạt 36% so với năm 2010. Để nâng cao chất lượng và giúp CBNV phát huy hết năng lực chuyên môn của mình, OceanBank đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2011, hàng nghìn lượt CBNV đã tham gia 66 khóa học đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với chức năng công việc. Chính sách về đào tạo, đánh giá, khen thưởng, chính sách đãi ngộ và phát triển nhân tài được đẩy mạnh nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, ổn định và chuyên môn cao.

Đạt nhiều giải thưởng uy tín

Năm 2011 OceanBank cũng đã ký thoả thuận hợp tác toàn diện với một số tổng công ty nhà nước lớn như: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Ngân hàng cũng đã mở rộng quan hệ đại lý với gần 200 ngân hàng lớn trên thế giới. Đây là những bước tiến quan trọng của OceanBank trong việc mở rộng cơ sở khách hàng có năng lực tài chính lành mạnh để đi đến thiết lập những quan hệ đối tác toàn diện trong việc cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, cấp tín dụng và bảo lãnh thương mại…

Chung sức với cộng đồng bằng các chương trình từ thiện thiết thực

OceanBank cũng là ngân hàng tiên phong trong công tác xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống và đời sống nhân dân. Ngoài việc tham gia các chương trình của Mặt trận tổ quốc, OceanBank chủ động triển khai xây dựng trường học, trạm y tế, cầu đường…tại các xã nghèo. Tháng 4/2011 công trình Trạm Y tế xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc,Thanh Hóa đã chính thức được khởi công xây dựng với tổng giá trị công trình là 2,1 tỷ đồng, trong đó OceanBank và PVOIL tài trợ 1,8 tỷ đồng. Đặc biệt từ tháng 8/2011, Ngân hàng triển khai chương trình từ thiện "Nguồn sáng" chữa và phẫu thuật các bệnh về mắt có khả năng gây mù cho người nghèo trên toàn quốc. Đây là chương trình từ thiện quy mô nhất do OceanBank triển khai với nguồn kinh phí dự kiến lên tới 3 tỷ đồng và được kéo dài đến hết năm 2012.

Tăng cường hoạt động Đảng- Đoàn, chất keo kết nối tình đoàn kết

Năm 2011 OceanBank tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động Đảng-Đoàn. Đảng bộ OceanBank không ngừng nỗ lực, quyết tâm, từng bước kiện toàn tổ chức Đảng gắn kết với tổ chức Ngân hàng: chú trọng phát hiện và bồi dưỡng các quần chúng ưu tú là nhân viên giỏi, nhân sự chủ chốt của Ngân hàng; thường xuyên quan tâm tới việc giáo dục chính trị, tư tưởng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong mỗi đảng viên. Lãnh đạo Đoàn thanh niên phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động phong trào, học tập, vui chơi lành mạnh cho cán bộ, thanh niên Ngân hàng; tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Đoàn thanh niên tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Đại Dương, Ngân hàng Đại Dương khởi xướng. Thông qua hoạt động tuyên truyền, các đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức Đảng- Đoàn của OceanBank đã thực hiện nhiều phong trào đoàn thể có ý nghĩa góp phần vận động CBNV thi đua lao động, tạo được không khí làm việc sôi nổi toàn hàng như chương trình "Phát huy tiềm năng nội bộ", "Ngày huy động vàng", "Tuần cán đích"…Từ những phong trào này vai trò của đội ngũ Đảng viên, đoàn viên OceanBank ngày càng được phát huy tốt đem lại hiểu quả cao cho hoạt động kinh doanh.

KẾ HOẠCH **KINH DOANH** 2012

KẾ HOẠCH **KINH DOANH 2012**

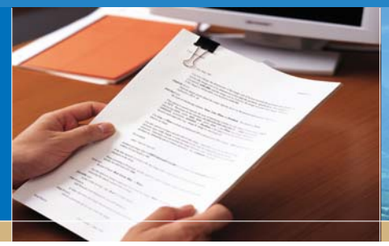

I. ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU 2012

1. Tăng vốn điều lệ lên 5000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới, địa bàn hoạt động, hệ thống kênh phân phối;

2. Phát triển các sản phẩm ngân hàng hiện đại, tạo bước đột phá về Ngân hàng điện tử; hướng tới mục tiêu nằm trong Top 5 ngân hàng hàng đầu Việt Nam về cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử trong tương lai;

3. Tiếp tục tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ; Xây dựng và triển khai quy trình quản lý chất lượng ISO trên toàn hệ thống; phấn đấu nâng dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ trên tổng thu nhập.

4. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của đối tác chiến lược ngân hàng và nhóm các khách hàng lớn; Tiếp tục tìm kiếm mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác lớn và các đối tác chiến lược.

5. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức, công tác quản trị nội bộ theo lộ trình chiến lược phát triển đến năm 2015.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2012

• Tổng Tài sản:	68.000 tỷ đồng
• Tổng huy động:	61.300 tỷ đồng
• Dư nợ cấp tín dụng:	22.500 tỷ đồng
• Lợi nhuận trước thuế:	750 tỷ đồng
• Vốn điều lệ:	5.000 tỷ đồng
• Tỷ lệ nợ xấu:	< 3%
• Mạng lưới và kênh phân phối: mở 17 chi nhánh tại các tỉnh,TP lớn (bao gồm cả mở mới và nâng cấp các PGD thành chi nhánh)	
• Tỷ lệ cổ tức:	10%

BÁO CÁO **TÀI CHÍNH**

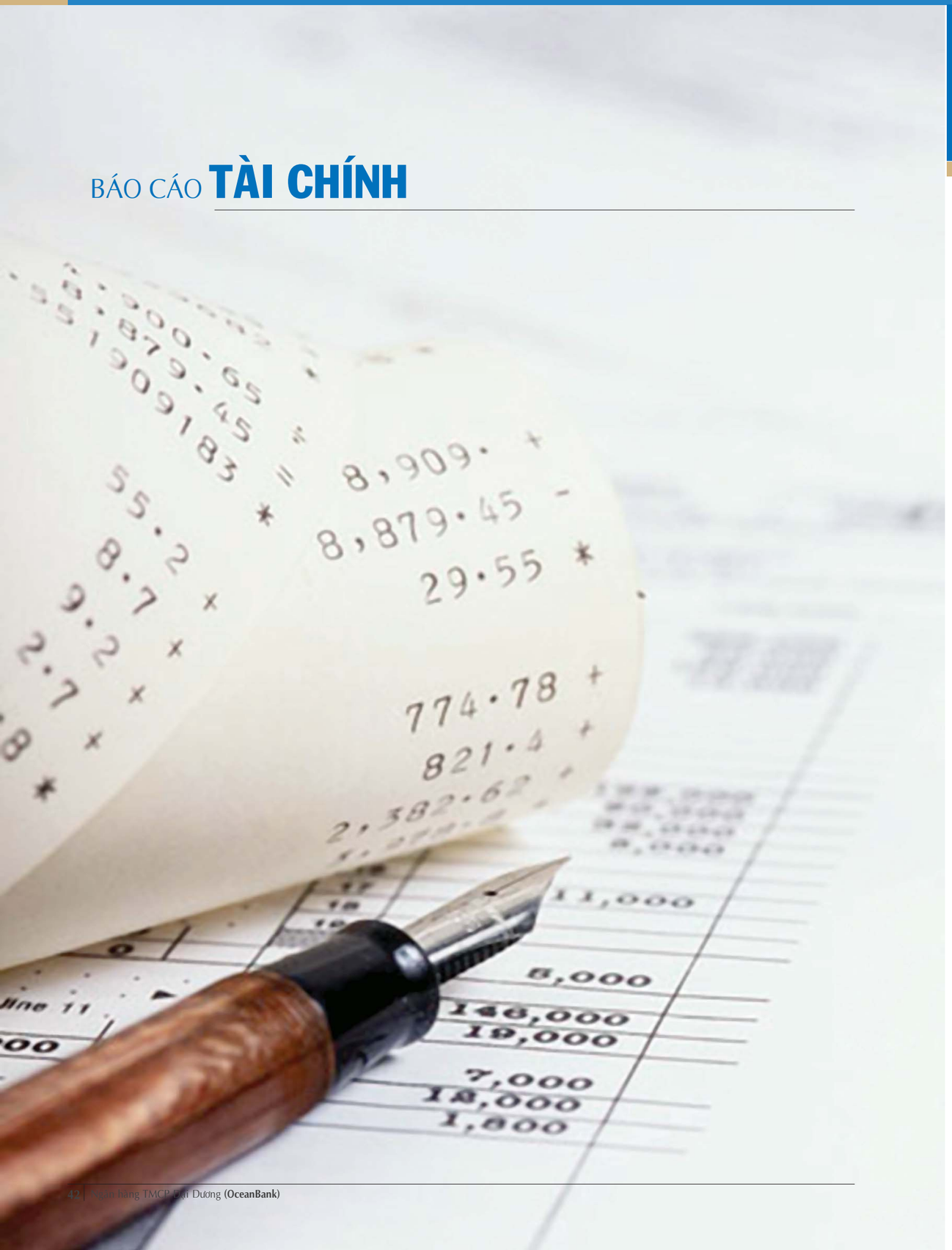

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2011)
Bà Vũ Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2011)
Ông Đoàn Phụng	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Thu	Thành viên
Ông Mai Văn Cường	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Bà Nguyễn Minh Thu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2011)
Ông Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Giám đốc Vận hành (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Hải Dương, ngày 16 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Thu

Deloitte.

SỐ: 1084/DELOITTE-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "Ngân hàng"). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 2 năm 2011, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính và đưa ra đoạn lưu ý về các khoản tạm ứng cổ tức của năm 2010 với số tiền là 200 tỷ VND chưa được trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Ngân hàng.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành

có liên quan áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 7, Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng nắm giữ các khoản tiền gửi, dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu của ngân hàng đối với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin") và một số công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, trong năm 2011, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về xem xét khoanh nợ, cơ cấu lại các khoản nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Ngân hàng đã thực hiện ý kiến chỉ đạo, giữ nguyên trạng thái nợ hiện tại và không trích lập dự phòng đối với các khoản nợ và phải thu trên. Hiện tại, Ngân hàng đang tiếp tục làm việc với Vinashin và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về phương án xử lý và thu hồi các khoản nợ và phải thu này.

Như đề cập trong Thuyết minh số 29, Ngân hàng ghi nhận hoàn nhập dự phòng tín dụng vào thu nhập khác, chính sách ghi nhận này có sự khác biệt với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") là giá trị hoàn nhập được ghi nhận giảm chi phí dự phòng. Nếu Ngân hàng áp dụng chính sách ghi nhận hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng như hướng dẫn tại Thông tư 228, chi phí dự phòng sẽ giảm đi 102.851.175.810 VND và thu nhập từ hoạt động khác sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 23, số tiền chi cổ tức cho kết quả kinh doanh của năm

Hà Nội, Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Phó Tổng Giám đốc

Trương Anh Hùng
Chứng chỉ KTV số Đ.0029/KTV

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A	**Tài sản**			
I	**Tiền mặt**	**5**	**291.556.406.039**	**258.730.845.600**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**6**	**586.334.746.836**	**330.258.184.172**
III	**Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác**	**7**	**24.217.086.225.731**	**18.742.708.944.850**
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		24.217.086.225.731	18.742.708.944.850
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**10**	**137.664.743.722**	**818.611.706.590**
1.	Chứng khoán kinh doanh		240.603.305.143	849.266.976.056
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(102.938.561.421)	(30.655.269.466)
V	**Cho vay khách hàng**		**18.955.669.015.033**	**17.448.149.196.915**
1.	Cho vay khách hàng	8	19.187.065.606.171	17.630.960.647.261
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(231.396.591.138)	(182.811.450.346)
VI	**Chứng khoán đầu tư**	**11**	**10.990.739.774.742**	**9.102.482.689.040**
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		10.210.638.628.359	8.575.777.391.540
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		939.162.906.203	585.067.297.500
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(159.061.759.820)	(58.362.000.000)
VII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**13**	**576.896.734.855**	**403.240.675.157**
1	Vốn góp liên doanh		68.756.767.146	-
2.	Đầu tư dài hạn khác		508.139.967.709	403.240.675.157
VIII	**Tài sản cố định**		**232.216.611.827**	**132.438.748.639**
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	129.765.465.445	87.675.669.707
a	• Nguyên giá TSCĐ		180.237.176.586	116.465.640.533
b	• Hao mòn TSCĐ		(50.471.711.141)	(28.789.970.826)
2.	Tài sản cố định vô hình	15	102.451.146.382	44.763.078.932
a	• Nguyên giá TSCĐ		117.748.349.916	52.842.540.804
b	• Hao mòn TSCĐ		(15.297.203.534)	(8.079.461.872)
IX	**Tài sản Có khác**		**6.651.152.618.266**	**7.902.282.230.052**
1.	Các khoản phải thu	16	3.854.291.001.433	6.202.635.889.255
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		1.966.477.779.987	1.094.558.549.686
3.	Tài sản Có khác	17	893.516.124.318	605.087.791.111
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	18	(63.132.287.472)	-
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		**62.639.316.877.051**	**55.138.903.221.015**

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN**		**967.489.581.219**	**1.062.515.695.625**
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**19**	**17.520.283.017.018**	**6.083.182.627.686**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		17.520.283.017.018	6.083.182.627.686
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**20**	**38.589.892.625.378**	**42.337.825.325.123**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**		**4.933.280.000**	**-**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	**21**	**300.000.000.000**	**943.592.000.000**
VI	**Các khoản nợ khác**	**22**	**612.667.776.541**	**624.443.607.168**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		478.353.042.119	436.665.470.848
2	Các khoản phải trả và công nợ khác		113.429.603.490	177.716.354.626
3	Dự phòng rủi ro khác	9	20.885.130.932	10.061.781.694
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**57.995.266.280.156**	**51.051.559.255.602**
VII	**Vốn và các quỹ**	**23**	**4.644.050.596.895**	**4.087.343.965.413**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		4.002.955.516.400	3.502.955.516.400
a	• Vốn điều lệ		4.000.000.000.000	3.500.000.000.000
b	• Thặng dư vốn cổ phần		2.916.370.000	2.916.370.000
c	• Vốn khác		39.146.400	39.146.400
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		150.616.565.770	138.841.049.650
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		490.478.514.725	445.547.399.363
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**62.639.316.877.051**	**55.138.903.221.015**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
		VND	VND
I.	**Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**	**2.789.617.404.019**	**1.634.070.892.537**
1.	Bảo lãnh vay vốn	25.000.000.000	25.000.000.000
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.505.108.092.573	978.360.074.510
3.	Cam kết trong giao dịch hối đoái	4.933.280.000	292.500.000.000
4.	Bảo lãnh khác	1.254.576.031.446	338.210.818.027

Người lập | **Kế toán trưởng** | *Hải Dương, Ngày 16 tháng 3 năm 2012* **Tổng Giám đốc**

Vũ Thị Thùy Dương | **Nguyễn Thị Nga** | **Nguyễn Minh Thu**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	6.428.069.375.641	4.202.658.377.497
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	4.833.514.862.029	2.961.331.913.529
I.	**Thu nhập lãi thuần**		**1.594.554.513.612**	**1.241.326.463.968**
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		46.048.215.063	42.746.118.606
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		30.633.448.416	23.815.462.421
II.	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**26**	**15.414.766.647**	**18.930.656.185**
III.	**Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và đánh giá tỷ giá ngoại tệ**	**27**	**(48.487.740.531)**	**(42.990.276.391)**
IV.	**Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**28**	**(73.740.294.199)**	**(51.950.797.943)**
V.	**(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**28**	**(50.717.788.110)**	**6.676.091.878**
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	29	180.515.403.819	161.974.606.151
6.	Chi phí hoạt động khác	30	91.587.284.085	144.013.240.795
VI.	**Lãi thuần từ hoạt động khác**		**88.928.119.734**	**17.961.365.356**
VII.	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**		**22.991.435.769**	**9.068.059.000**
VIII.	**Chi phí hoạt động**	**31**	**614.699.977.392**	**365.445.610.422**
IX.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**934.243.035.530**	**833.575.951.631**
X.	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**9**	**290.849.076.228**	**142.622.114.771**
XI.	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**643.393.959.302**	**690.953.836.860**
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	155.462.843.940	170.532.028.485
XII.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**		**155.462.843.940**	**170.532.028.485**
XIII.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**487.931.115.362**	**520.421.808.375**
XIV.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**33**	**1.286**	**2.322**

Người lập | **Kế toán trưởng** | *Hải Dương, Ngày 16 tháng 3 năm 2012* **Tổng Giám đốc**

Vũ Thị Thùy Dương | **Nguyễn Thị Nga** | **Nguyễn Minh Thu**

BÁO CÁO **TÀI CHÍNH**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Đơn vị tính:VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2010
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	5.556.150.145.340	3.756.686.787.524
02.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(4.791.827.290.758)	(2.756.154.600.873)
03.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	15.414.766.647	18.930.656.185
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	(112.771.065)	(9.971.821.926)
05.	Thu nhập khác	57.478.887.797	3.689.639.952
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	41.183.431.937	47.370.000
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(813.517.284.171)	(242.868.366.456)
08.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(180.173.488.409)	(160.613.814.710)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	*(115.403.602.682)*	*609.745.849.696*
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	**(7.230.943.404.197)**	**(8.570.179.461.058)**
09.	Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(6.263.872.451.613)	5.624.746.293.750
10.	(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(1.408.959.574.609)	(3.869.975.854.629)
11.	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(1.556.104.958.910)	(7.442.059.605.788)
12.	Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	59.408.490.030	-
13.	Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	1.938.585.090.905	(2.882.890.294.391)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	**6.929.013.728.344**	**19.301.576.281.524**
14.	(Giảm)/Tăng các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(95.026.114.406)	650.457.439.419
15.	Giảm/(Tăng) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	11.437.100.389.332	(1.155.123.105.865)
16.	(Giảm)/Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)	(3.747.932.699.745)	18.960.845.609.116
17.	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	-	(53.126.054.835)
18.	(Giảm)/ Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(643.592.000.000)	843.592.000.000
19.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	4.933.280.000	(9.948.504.267)
20.	(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động	(5.244.642.958)	68.744.995.819
21.	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(21.224.483.879)	(3.866.097.863)
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**(417.333.278.535)**	**11.341.142.670.162**
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01.	Mua sắm tài sản cố định	(76.411.545.165)	(60.996.311.453)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	14.271.725.404
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	(13.975.000)
04.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(145.239.659.698)	(260.849.615.157)
05.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	400.000.000	57.875.500.000
06.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	22.991.435.769	9.068.059.000
II.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**(198.259.769.094)**	**(240.644.617.206)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01.	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	500.000.000.000	1.500.000.000.000
02.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(385.000.000.000)	(211.619.790.220)
03.	Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	1.742.720.000
III.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**115.000.000.000**	**1.290.122.929.780**
IV.	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**(500.593.047.629)**	**12.390.620.982.736**
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm**	**18.037.231.235.039**	**5.646.610.252.303**
VI.	**Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm**	**17.536.638.187.410**	**18.037.231.235.039**

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ (*)	**291.556.406.039**	**258.730.845.600**
Tiền gửi tại NHNH (*)	**586.334.746.836**	**330.258.184.172**
Tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng khác (**)	**16.658.747.034.535**	**17.448.242.205.267**
	17.536.638.187.410	**18.037.231.235.039**

(*) Số dư tiền mặt tại quỹ và tiền gửi tại NHNN được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5 và số 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

(**) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

Hải Dương, Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thùy Dương	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Minh Thu

BÁO CÁO **TÀI CHÍNH**

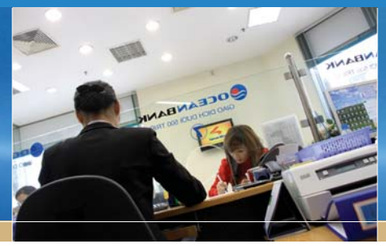

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương (dưới đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Quyết định số 257/QĐ/NH5 ngày 30 tháng 12 năm 1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800006089 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, vốn điều lệ của Ngân hàng là 4.000 tỷ VND.

Hội sở chính của Ngân hàng được đặt tại số 199 Nguyễn Lương Bằng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng bao gồm:

- Kinh doanh tiền tệ, huy động vốn để cho vay;
- Kinh doanh vàng bạc đá quý, ngoại tệ (khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép);
- Kinh doanh các dịch vụ thanh toán chi trả tiền nhanh đối với khách hàng;
- Ủy thác và nhận ủy thác vốn để cho vay;
- Các dịch vụ khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
- Làm đại lý thu đổi ngoại hối cho các tổ chức tín dụng khác;
- Kinh doanh vàng theo quy định hiện hành của pháp luật;
- Hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối (cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế; thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ trên thị trường nước ngoài).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số nhân viên tại Ngân hàng là 1.848 người (31 tháng 12 năm 2010: 1.359 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, và các quy định hiện hành có liên quan áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 36, 37, 38, 39, 40 và 41.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản có khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, các khoản phải trả khác và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác và các tổ chức kinh tế (TCKT) phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích hưởng chênh lệch giá và nắm giữ trong thời gian không quá 1 năm được phân loại là chứng khoán kinh doanh; các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn; các chứng khoán khác được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn trên và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá thị trường vào ngày lập báo cáo tài chính; đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết và có giao dịch trên thị trường, Ngân hàng đã thực hiện thu thập báo giá trực tiếp của ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn hơn 300 tỷ VND tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán để làm cơ sở đánh giá giá trị khoản đầu tư. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn bao gồm các chứng khoán vốn và các khoản đầu tư vào các Dự án có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành khi Ngân hàng đánh giá được tổn thất có thể xảy ra của hoạt động đầu tư. Theo đó, đối với các khoản đầu tư dài hạn có dấu hiệu suy giảm giá trị, Ngân hàng thực hiện thu thập thông tin tài chính của các khoản đầu tư đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính và xác định giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư tương ứng với phần vốn góp Ngân hàng nắm giữ tại các khoản đầu tư này, cùng với xét đoán, đánh giá tổn thất có thể xảy ra đến hết năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Trong trường hợp không có thông tin tài chính của các khoản đầu tư đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Ngân hàng dựa vào thông tin mới nhất mà Ngân hàng có thể thu thập được

để xem xét lập dự phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Hợp đồng bán kỳ hạn chứng khoán

Các hợp đồng bán kỳ hạn chứng khoán phản ánh giá trị các hợp đồng Ngân hàng cam kết bán và khách hàng cam kết sẽ mua trong tương lai với một mức giá cố định. Khoản chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán và giá bán cam kết trong hợp đồng sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh vào ngày ký hợp đồng. Giá trị cam kết theo hợp đồng bán kỳ hạn chứng khoán được ghi nhận là một khoản phải thu của Ngân hàng.

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Hoạt động ủy thác đầu tư của Ngân hàng bao gồm các hình thức: Ủy thác đầu tư toàn bộ và ủy thác đầu tư chỉ định. Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và nhận vốn ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết.

Trả chậm ủy thác đầu tư

Phản ánh các khoản trả chậm theo các hợp đồng ủy thác, theo đó, khách hàng được trả chậm số tiền mua chứng khoán nhất định đồng thời số chứng khoán mua phải ủy thác cho Ngân hàng nắm giữ. Trả chậm ủy thác đầu tư được trình bày là một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng rủi ro cho vay, các khoản cam kết

Dự phòng rủi ro cho vay, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Tổng Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và các khoản cam kết được Ngân hàng trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên giá trị thuần của các khoản đó.

Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá trị hoàn nhập được hạch toán tăng thu nhập khác, chính sách này có sự khác biệt với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 là giá trị hoàn nhập được ghi nhận giảm chi phí dự phòng như hướng dẫn tại Công văn số 7690/NHNN-TTGSNH ngày 8 tháng 10 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 08 năm. Giá trị tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán (các khoản nhận Trả chậm ủy thác đầu tư, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, Ủy thác đầu tư , Đầu tư trái phiếu, Phải thu hợp đồng bán kỳ hạn chứng khoán, Tạm ứng, Ứng trước…) được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Theo đó, dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

BÁO CÁO **TÀI CHÍNH**

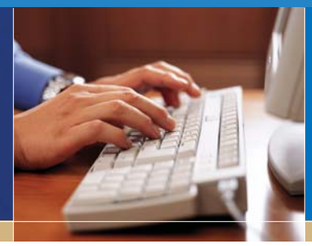

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở 3% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của Ngân hàng trong năm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ của Ngân hàng.
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập các Quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ này sẽ được trích lập vào thời điểm cuối niên độ kế toán.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên mục Vốn chủ sở hữu. Cuối năm tài chính, chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu

Thu nhập lãi

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong năm của các khoản nợ quá hạn không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Thu nhập từ dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác định. Đối với cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BÁO CÁO **TÀI CHÍNH**

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Ngân hàng là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và các công ty con. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Ngân hàng, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Bản chất của mối quan hệ được xem xét trong việc đánh giá mối quan hệ của từng bên liên quan chứ không chỉ ở hình thức pháp lý.

Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

Công cụ phái sinh tiền tệ

Ngân hàng đã thực hiện các nghiệp vụ mua ngoại tệ có kỳ hạn. Hợp đồng mua ngoại tệ có kỳ hạn là những cam kết đơn lẻ của Ngân hàng để mua ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam, bao gồm những nghiệp vụ giao ngay chưa thực hiện. Chênh lệch giữa tỷ giá giao ngay và tỷ giá theo hợp đồng có kỳ hạn được ghi nhận là thu nhập chưa thực hiện và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các hợp đồng có kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế và chênh lệch được ghi nhận là tài sản khác hoặc phải trả khác trên bảng cân đối kế toán.

5. TIỀN MẶT

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt bằng VND	251.938.842.399	205.296.848.100
Tiền mặt bằng ngoại tệ	39.617.563.640	53.433.997.500
Tổng	**291.556.406.039**	**258.730.845.600**

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể, theo Quyết định số 379/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2011, Quyết định số 1209/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 06 năm 2011 và Quyết định số 1972/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 08 năm 2011:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 7% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 5% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2%).
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng áp dụng cho tiền gửi bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài là 1% trên số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng VND	276.705.072.955	330.243.886.967
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng ngoại tệ	309.629.673.881	14.297.205
Tổng	**586.334.746.836**	**330.258.184.172**

7. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi tại các TCTD khác		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	**258.345.829.092**	**678.083.205.267**
• Bằng VND	56.841.988.176	15.663.880.739
• Bằng ngoại tệ, vàng	201.503.840.916	662.419.324.528
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	**23.958.740.396.639**	**18.064.625.739.583**
• Bằng VND	21.649.889.858.336	14.436.143.739.583
• Bằng ngoại tệ, vàng	2.308.850.538.303	3.628.482.000.000
Tổng	**24.217.086.225.731**	**18.742.708.944.850**

Lãi suất áp dụng cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD là 7%-13,5%/năm đối với VND, 3,4%-12%/năm đối với USD và 0,1% đối với EUR.

8. CHO VAY

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	19.180.315.998.663	16.292.899.895.869
Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	6.749.607.508	1.338.060.751.392
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Phân tích chất lượng Nợ cho vay

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	17.640.660.039.990	16.586.071.405.535
Nợ cần chú ý	1.146.945.632.952	750.275.993.376
Nợ dưới tiêu chuẩn	153.768.640.248	8.165.755.575
Nợ nghi ngờ	43.905.964.832	39.696.554.670
Nợ có khả năng mất vốn	201.785.328.149	246.750.938.105
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	8.282.516.943.698	9.717.339.805.839
Nợ trung hạn	4.686.795.098.068	2.895.661.970.753
Nợ dài hạn	6.217.753.564.405	5.017.958.870.669
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn ban đầu dưới 1 năm, các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn ban đầu từ 1-5 năm. Các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn ban đầu trên 5 năm.

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay tổ chức kinh tế		
• Doanh nghiệp Nhà nước	2.381.865.371.588	36.867.714.870
• Doanh nghiệp trong nước khác	14.597.746.656.446	15.342.595.151.922
• Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	175.686.724.854	11.894.850.000
Cho vay cá nhân và hộ kinh doanh	2.031.766.853.283	2.239.602.930.469
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Phân tích dư nợ theo ngành nghề

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.735.656.273.646	1.803.539.434.251
Xây dựng	3.542.488.656.974	3.940.216.683.304
Vận tải kho bãi	1.961.737.046.728	547.412.449.743
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.565.175.961.330	950.516.062.709
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.281.799.949.031	148.008.553.237
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.077.887.798.856	1.549.208.229.348
Khai khoáng	1.019.734.385.356	490.020.878.803
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	832.116.732.501	870.691.906.450
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	600.732.335.153	305.910.456.638
Hoạt động dịch vụ khác	493.020.627.939	1.587.653.171.398
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	405.874.757.500	3.372.585.914.951
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	341.656.566.345	1.348.532.288.020
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	111.396.664.031	33.855.586.945
Giáo dục và Đào tạo	73.859.965.427	45.730.789.114
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	36.394.797.901	48.144.023.265
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	25.498.147.805	392.836.909.247
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	10.767.110.913	196.097.309.838
Khác	1.071.267.828.735	-
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
• Cho vay bằng VND	15.450.425.107.960	14.919.666.410.896
• Cho vay bằng ngoại tệ	3.736.640.498.211	2.711.294.236.365
Tổng	**19.187.065.606.171**	**17.630.960.647.261**

Lãi suất cho vay áp dụng tại ngày 31/12/2011 cho các khoản vay là từ 10% đến 28,5%/năm đối với các khoản vay bằng VND và 3,4% đến 8,5%/năm đối với các khoản vay bằng USD.

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

9.1 Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay và các cam kết ngoại bảng

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
• Dự phòng cho vay khách hàng	231.396.591.138	182.811.450.346
• Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (Xem thuyết minh số 22)	20.885.130.932	10.061.781.694
Tổng	**252.281.722.070**	**192.873.232.040**

9.2 Biến động số dư dự phòng rủi ro cho vay và các cam kết ngoại bảng trong năm

	Dự phòng chung VND	Dự phòng cụ thể VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	**140.454.671.434**	**52.418.560.606**	**192.873.232.040**
Dự phòng trích lập trong năm	22.820.061.589	268.029.014.639	290.849.076.228
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(102.851.175.810)	(102.851.175.810)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	-	(128.589.410.388)	(128.589.410.388)
Tại ngày 31/12/2011	**163.274.733.023**	**89.006.989.047**	**252.281.722.070**

10. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán Nợ - Trái phiếu		
Chứng khoán Chính phủ	-	200.034.601.200
Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	-	200.000.000.000
Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	301.000.000.000
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	62.559.265.586	77.815.081.522
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	178.044.039.557	70.417.293.334
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(102.938.561.421)	(30.655.269.466)
Tổng	**137.664.743.722**	**818.611.706.590**

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2010	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán Nợ - Trái phiếu	**9.729.286.932.359**	**8.185.683.601.540**
Chứng khoán Chính phủ	2.711.943.039.036	1.581.871.034.053
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	2.715.018.322.269	2.651.516.765.604
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	4.302.325.571.054	3.952.295.801.883
Chứng khoán Vốn	**481.351.696.000**	**390.093.790.000**
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	21.351.990.000	21.351.990.000
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	459.999.706.000	368.741.800.000
Tổng	**10.210.638.628.359**	**8.575.777.391.540**
Dự phòng giảm giá CK sẵn sàng để bán	(159.061.759.820)	(58.362.000.000
	10.051.576.868.539	**8.517.415.391.540**

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCTD khác trong nước phát hành	500.000.000.000	500.000.000.000
Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCKT trong nước phát hành	439.162.906.203	85.067.297.500
	939.162.906.203	**585.067.297.500**

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

12.1. Chi tiết số dư dự phòng giảm giá chứng khoán

	31/12/2011	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem thuyết minh số 10)	102.938.561.421	30.655.269.466
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán (xem thuyết minh số 11)	159.061.759.820	58.362.000.000
Tổng	**262.000.321.241**	**89.017.269.466**

12.2. Biến động số dư dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm

	Dự phòng CK kinh doanh (VND)	Dự phòng CK đầu tư (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2011	**30.655.269.466**	**58.362.000.000**	**89.017.269.466**
Dự phòng trích lập trong năm (xem thuyết minh số 28)	131.025.451.396	50.726.059.820	181.751.511.216
Sử dụng nguồn Dự phòng trong năm	(8.768.459.441)	-	(8.768.459.441)
Phân loại lại	(53.502.027.180)	53.502.027.180	-
Tại ngày 31/12/2011	**99.410.234.241**	**162.590.087.000**	**262.000.321.241**

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	**VND**
Vốn góp liên doanh	68.756.767.146	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	508.139.967.709	403.240.675.157
	576.896.734.855	**403.240.675.157**
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	-	-
	576.896.734.855	**403.240.675.157**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2011	**5.346.714.981**	**28.494.552.424**	**46.141.899.984**	**29.712.080.780**	**6.770.392.364**	**116.465.640.533**
Mua sắm	4.103.541.276	8.776.744.308	27.687.815.679	28.781.083.087	703.002.081	**70.052.186.431**
Phân loại lại	3.205.769.985	3.477.406.498	4.183.579.952	(4.224.658.723)	(6.642.097.712)	-
Thanh lý	(30.836.500)	(863.855.947)	(2.431.750.386)	(2.245.237.734)	(708.969.811)	**(6.280.650.378)**
Tại ngày 31/12/2011	**12.625.189.742**	**39.884.847.283**	**75.581.545.229**	**52.023.267.410**	**122.326.922**	**180.237.176.586**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Tại ngày 01/01/2011	1.646.552.592	10.831.189.807	10.305.252.006	3.068.965.455	2.938.010.966	**28.789.970.826**
Tăng trong năm	940.751.137	4.878.433.327	9.490.720.365	8.781.478.215	847.777.690	**24.939.160.734**
Phân loại lại	1.307.020.114	(5.884.654.002)	1.107.886.600	6.852.539.775	(3.382.792.487)	-
Thanh lý	(13.705.119)	(692.731.049)	(1.486.368.202)	(684.668.247)	(379.947.802)	**(3.257.420.419)**
Điều chỉnh	-	-	-	4.813.268	(4.813.268)	-
Tại ngày 31/12/2011	**3.880.618.724**	**9.132.238.083**	**19.417.490.769**	**18.023.128.466**	**18.235.099**	**50.471.711.141**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2011	**8.744.571.018**	**30.752.609.200**	**56.164.054.460**	**34.000.138.944**	**104.091.823**	**129.765.465.445**
Tại ngày 31/12/2010	**3.700.162.389**	**17.663.362.617**	**35.836.647.978**	**26.643.115.325**	**3.832.381.398**	**87.675.669.707**

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2011	25.140.100.000	20.132.296.504	7.570.144.300	**52.842.540.804**
Mua sắm	-	8.053.726.120	4.586.282.992	**12.640.009.112**
Tăng khác (i)	52.265.800.000	-	-	**52.265.800.000**
Phân loại lại	-	10.507.980.292	(10.507.980.292)	-
Tại ngày 31/12/2011	**77.405.900.000**	**38.694.002.916**	**1.648.447.000**	**117.748.349.916**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Tại ngày 01/01/2011	-	4.928.829.630	3.150.632.242	**8.079.461.872**
Tăng trong năm	-	6.770.423.484	447.318.178	**7.217.741.662**
Phân loại lại	-	2.810.165.072	(2.810.165.072)	-
Tại ngày 31/12/2011	**-**	**14.509.418.186**	**787.785.348**	**15.297.203.534**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2011	77.405.900.000	24.184.584.730	860.661.652	**102.451.146.382**
Tại ngày 31/12/2010	**25.140.100.000**	**15.203.466.874**	**4.419.512.058**	**44.763.078.932**

(i) Tăng khác thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại số 269 Lê Duẩn, Ngân hàng đã bán trong năm 2010 với lãi gộp là 9.734.200.000 VND, tuy nhiên, Ngân hàng đã thanh lý và hủy hợp đồng chuyển nhượng vào năm 2011. Lợi nhuận đã ghi nhận vào doanh thu khác của năm 2010 được ghi nhận vào chi phí khác của năm 2011.

16. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	852.268.232.915	545.603.667.016
Các khoản phải thu bên ngoài	2.850.290.611.785	5.631.555.673.880
Các khoản phải thu nội bộ	151.732.156.733	25.476.548.359
	3.854.291.001.433	**6.202.635.889.255**

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	2.587.561.692	2.206.233.427
Vật liệu	5.023.311.267	5.406.381.014
Ủy thác đầu tư cho vay bằng VND (i)	836.701.459.728	524.452.883.813
Chi phí chờ phân bổ (ii)	49.203.791.631	73.022.292.857
Tổng	**893.516.124.318**	**605.087.791.111**

(i) Các khoản ủy thác đầu tư, cho vay Ngân hàng nhận lãi suất cố định cho các đối tác thể hiện giá trị ủy thác cho các bên liên quan trong đó bên nhận ủy thác cam kết bảo toàn nguồn vốn ủy thác và thanh toán lãi cố định cho Ngân hàng không phụ thuộc vào kết quả đầu tư ủy thác.

(ii) Giá trị này chủ yếu bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước tại Hội sở và các chi nhánh của Ngân hàng.

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG RỦI RO CHO CÁC TÀI SẢN CÓ NỘI BẢNG KHÁC

Dự phòng cho giá trị	31/12/2011	31/12/2010	Trích trong năm (i)
	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khác			
Dự phòng phải thu ủy thác đầu tư trả chậm	16.290.371.585	-	16.290.371.585
Dự phòng phải thu bán kỳ hạn chứng khoán vốn	21.900.765.780	-	21.900.765.780
Các khoản phải thu khác	24.941.150.107	-	24.941.150.107
	63.132.287.472	**-**	**63.132.287.472**

(i) Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác được ghi nhận tại khoản mục Chi phí hoạt động (Thuyết minh số 31).

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
• Bằng VND	67.384.989.973	54.083.576.996
• Bằng ngoại tệ	644.277.315	49.050.690
	68.029.267.288	54.132.627.686
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
• Bằng VND	16.098.433.749.730	5.834.050.000.000
• Bằng vàng và ngoại tệ	1.353.820.000.000	195.000.000.000
	17.452.253.749.730	6.029.050.000.000
	17.520.283.017.018	**6.083.182.627.686**

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	**6.488.167.959.891**	**8.022.602.875.673**
• Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4.474.812.790.693	5.843.116.644.683
• Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng. ngoại tệ	2.013.355.169.198	2.179.486.230.990
Tiền gửi có kỳ hạn	**31.892.680.695.612**	**33.931.505.764.389**
• Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	28.171.292.819.640	28.503.780.346.599
• Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.721.387.875.972	5.427.725.417.790
Tiền gửi vốn chuyên dùng	**44.221.688.988**	**300.185.971.760**
Tiền gửi ký quỹ	**164.822.280.887**	**83.530.713.301**
• Tiền gửi kí quỹ bằng VND	38.688.496.780	30.325.390.653
• Tiền gửi kí quỹ bằng ngoại tệ	126.133.784.107	53.205.322.648
	38.589.892.625.378	**42.337.825.325.123**

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro là các khoản ủy thác quản lý vốn không chỉ định mục đích bằng VND và chịu lãi suất 12%/năm.

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản lãi và phí phải trả	478.353.042.119	436.665.470.848
Các khoản phải trả nội bộ (22.1)	16.488.675.903	50.000
Các khoản phải trả bên ngoài (22.2)	84.898.922.916	114.099.278.425
Doanh thu chờ phân bổ	12.042.004.671	63.617.026.201
Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	20.885.130.932	10.061.781.694
Tổng	**612.667.776.541**	**624.443.607.168**

22.1. Chi tiết các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả cán bộ, công nhân viên	16.485.675.903	-
Các khoản phải trả khác	3.000.000	50.000
	16.488.675.903	**50.000**

22.2. Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.845.413.934	39.556.058.403
Thuế giá trị gia tăng	2.222.196	37.162.296
Tạm giữ chờ chuyển tiền	20.899.250.775	542.820.691
Phải trả hỗ trợ lãi suất (i)	-	26.038.867.078
Phải trả thẻ Visa, Banknet, Western Union	11.592.930.888	8.927.821.591
Nhận đặt cọc bán chứng khoán	17.500.000.000	4.500.000.000
Các khoản phải trả khác	20.059.105.123	34.496.548.366
	84.898.922.916	**114.099.278.425**

(i) Phải trả hỗ trợ lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện số tiền đã nhận được từ Ngân hàng Nhà nước cho hoạt động hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp theo chính sách của Chính phủ, số tiền này cần được bù trừ với khoản phải thu hỗ trợ lãi suất trình bày tại Thuyết minh số 16.

23. VỐN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động các khoản mục chính thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	**2.000.000.000.000**	**15.099.450.000**	**14.896.758**	**36.148.193.980**	**19.003.404.794**	**12.109.522.017**	**586.753.203**	**39.146.400**	**2.083.001.367.152**
Tăng vốn	1.500.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	**1.500.000.000.000**
Sử dụng trong năm	-	(12.183.080.000)	-	-	-	-	-	-	**(12.183.080.000)**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	520.421.808.375	-	**520.421.808.375**
Trích quỹ	-	-	-	49.440.071.796	26.021.090.419	-	(75.461.162.215)	-	**-**
Chi quỹ		-		-	-	(3.896.130.114)	-	-	**(3.896.130.114)**
Tại ngày 31/12/2010	**3.500.000.000.000**	**2.916.370.000**	**14.896.758**	**85.588.265.776**	**45.024.495.213**	**8.213.391.903**	**445.547.399.363**	**39.146.400**	**4.087.343.965.413**
Tăng vốn (i)	500.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	**500.000.000.000**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	487.931.115.362	-	**487.931.115.362**
Trả cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	(410.000.000.000)	-	**(410.000.000.000)**
Trích quỹ (ii)	-	-	-	-	-	33.000.000.000	(33.000.000.000)	-	**-**
Chia quỹ	-	-	-	-	-	(21.224.483.880)	-	-	**(21.224.483.880)**
Tại ngày 31/12/2011	**4.000.000.000.000**	**2.916.370.000**	**14.896.758**	**85.588.265.776**	**45.024.495.213**	**19.988.908.023**	**490.478.514.725**	**39.146.400**	**4.644.050.596.895**

(i) Ngày 16 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Ngân hàng từ 3.500 tỷ VND lên 5.000 tỷ VND thông qua phát hành 75 triệu cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu và 75 triệu cổ phần phổ thông cho cán bộ nhân viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Đại Dương. Trong năm 2011, Ngân hàng đã phát hành 50 triệu cổ phần phổ thông, nâng mức vốn điều lệ từ 3.500 tỷ VND lên 4.000 tỷ VND theo chấp thuận tại Công văn số 6328/NHNN-TTGSNH ngày 23 tháng 08 năm 2010, Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 700/UBCK- GCN ngày 07 tháng 10 năm 2010 và Công văn số 1073/UBCK- QLPH ngày 18 tháng 04 năm 2011 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

(ii) Số tiền trả cổ tức và trích quỹ phát sinh trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2011. Trong năm, Ngân hàng tạm ứng cổ tức cho kết quả kinh doanh của năm 2011 với số tiền 175.000.000.000 VND theo Thông báo số 135A/2011/TB- OceanBank ngày 20 tháng 04 năm 2011 và đang ghi nhận như một khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số 16). Khi có quyết định chính thức về cổ tức của năm 2011, Ngân hàng sẽ giảm trừ khoản cổ tức đã chi này vào lợi nhuận sau thuế.

Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông

	Vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	800.000.000.000	20,00%
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	800.000.000.000	20,00%
Công ty TNHH VNT	800.000.000.000	20,00%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	461.740.700.000	11,54%
Các cổ đông khác	1.138.259.300.000	28,46%
	4.000.000.000.000	**100%**

Số lượng cổ phần Ngân hàng đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 400.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phần.

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2011	2010
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.830.231.447.415	1.412.465.312.990
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.783.730.379.884	1.570.209.783.762
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.297.171.988.728	697.590.339.667
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	516.935.559.614	522.392.941.078
	6.428.069.375.641	**4.202.658.377.497**

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2011	2010
	VND	VND
Trả lãi tiền gửi	4.692.034.995.736	2.863.499.462.664
Trả lãi tiền vay	63.156.486.734	24.315.186.952
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	1.264.890.736
Chi phí hoạt động tín dụng khác	78.323.379.559	72.252.373.177
	4.833.514.862.029	**2.961.331.913.529**

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2011	2010
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**46.048.215.063**	**42.746.118.606**
• Thu từ nghiệp vụ thanh toán	21.421.338.783	14.824.509.150
• Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	15.085.555.316	5.583.933.215
• Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	5.853.664.733	17.005.347.109
• Thu từ dịch vụ thu xếp vốn và tư vấn	157.278.254	2.234.049.200
• Thu khác	3.530.377.977	3.098.279.932
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	**30.633.448.416**	**23.815.462.421**
• Chi về dịch thanh toán	21.672.714.477	11.594.114.298
• Chi về dịch vụ ủy thác và đại lý	8.170.099.208	10.516.227.742
• Chi về dịch vụ tư vấn	790.602.731	1.705.096.381
• Chi về hoa hồng môi giới	32.000	24.000
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**15.414.766.647**	**18.930.656.185**

27. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ ĐÁNH GIÁ TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**61.111.057.303**	**44.989.215.493**
• Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	57.945.057.303	32.565.276.878
• Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.966.000.000	459.022.845
• Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	200.000.000	11.964.915.770
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	**109.598.797.834**	**87.979.491.884**
• Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	51.415.465.498	20.660.703.721
• Lỗ chênh kệch tỷ giá chưa thực hiện	664.617.765	-
• Chi về kinh doanh vàng	492.000.000	-
• Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	57.026.714.571	67.318.788.163
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(48.487.740.531)**	**(42.990.276.391)**

28. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN

Chứng khoán kinh doanh

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	58.189.210.237	30.113.249.651
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(904.053.040)	(3.770.887.064)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(131.025.451.396)	(78.293.160.530)
	(73.740.294.199)	**(51.950.797.943)**

Chứng khoán đầu tư

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	8.273.086	7.513.682.640
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(1.376)	(837.590.762)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(50.726.059.820)	-
	(50.717.788.110)	**6.676.091.878**

29. THU NHẬP TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng (i)	102.851.175.810	-
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	56.400.796.843	41.915.341.634
Thu nhập thanh lý quyền sử dụng đất (ii)	-	117.000.000.000
Thu nhập khác	21.263.431.166	3.059.264.517
	180.515.403.819	**161.974.606.151**

(i) Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng phản ánh giá trị đã lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 nhưng đã thu hồi trong năm 2011 (xem Thuyết minh số 9). Chính sách ghi nhận hoàn nhập dự phòng này có sự khác biệt với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") là giá trị hoàn nhập được ghi nhận giảm chi phí dự phòng. Ban Tổng giám đốc cho rằng chính sách ghi nhận này phản ánh đúng tính chất các tài khoản theo Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN và phản ánh hợp lý hơn kết quả kinh doanh của Ngân hàng. Nếu Ngân hàng áp dụng chính sách ghi nhận hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng như hướng dẫn tại Thông tư 228, chi phí dự phòng sẽ giảm đi 102.851.175.810 VND và thu nhập khác sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

(ii) Thu nhập thanh lý quyền sử dụng đất năm 2010 bao gồm thu nhập từ thanh lý các quyền sử dụng đất tại số 269 Lê Duẩn và Sơn Trà - Đà Nẵng.

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thoái lãi dự thu	78.220.882.051	40.028.375.005
Chi phí thanh lý quyền sử dụng đất (i)	-	102.517.850.000
Thoái thu nhập thanh lý quyền sử dụng đất (i)	9.734.200.000	-
Chi phí khác	3.632.202.034	1.467.015.790
	91.587.284.085	**144.013.240.795**

(i) Thu nhập thanh lý quyền sử dụng đất năm 2010 bao gồm doanh thu từ quyền sử dụng đất tại số 269 Lê Duẩn và Sơn Trà-Đà Nẵng. Tuy nhiên, trong năm 2011, Ngân hàng và đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Hà kí biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 269 Lê Duẩn ngày 27 tháng 6 năm 2011 hủy bỏ toàn bộ nội dung hợp đồng đã kí năm 2010, Ngân hàng nhận lại quyền sở hữu và thoái thu nhập thanh lý quyền sử dụng đất đã ghi nhận năm 2010 (xem Thuyết minh số 15)

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5.320.373.425	4.393.941.985
Chi phí cho nhân viên	203.148.661.005	148.402.380.909
Chi về tài sản	156.438.360.433	86.697.820.556
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	175.356.363.514	119.278.799.139
Chi nộp phí bảo hiểm bảo đảm tiền gửi của khách hàng	11.303.931.543	6.672.667.833
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác (Thuyết minh số 18)	63.132.287.472	-
Tổng	**614.699.977.392**	**365.445.610.422**

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	**643.393.959.302**	**690.953.836.860**
Điều chỉnh cho các khoản:		
• Thu nhập cổ tức trong năm	(22.841.435.769)	(9.068.059.000)
• Chi phí không được khấu trừ	1.298.852.225	242.336.080
Thu nhập chịu thuế	**621.851.375.758**	**682.128.113.940**
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	**155.462.843.940**	**170.532.028.485**

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2011	2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**487.931.115.362**	**520.421.808.375**
Số cổ phiếu đầu năm	Cổ phần	350.000.000	200.000.000
Số cổ phiếu đã phát hành trong năm	Cổ phần	50.000.000	150.000.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	**Cổ phần**	**379.315.068**	**224.108.590**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**1.286**	**2.322**

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ngân hàng có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	45.189.533.338	36.027.902.845
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	107.899.199.534	93.359.164.693
Trên 5 năm	45.437.479.827	47.497.905.644

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng và trụ sở làm việc của Ngân hàng.

35. QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Ngân hàng quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Ngân hàng gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

36. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phần lớn các số dư nợ cho vay, tiền gửi, cam kết tín dụng, công cụ phái sinh và đầu tư chứng khoán đều phát sinh trong nước trừ các khoản tiền gửi tại các TCTD ngoài nước với giá trị là 48.561.822.097 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 576.906.011.999 VND).

37. RỦI RO TIỀN TỆ

Ngân hàng thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Ngân hàng sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ngân hàng phòng chống rủi ro này bằng các hợp đồng tiền tệ phái sinh như hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn (Forward), hợp đồng hoán đổi ngoại tệ (SWAP)...

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

31/12/2011	EUR Triệu VND	USD Triệu VND	Ngoại tệ khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Tài sản				
I - Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	39.618	-	**39.618**
II - Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	309.630	-	**309.630**
III - Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	276.812	2.227.787	5.754	**2.510.353**
IV - Cho vay khách hàng	-	3.736.640	-	**3.736.640**
V - Chứng khoán đầu tư	-	62.484	-	**62.484**
VI - Các tài sản Có khác	1	51.231	-	**51.232**
Tổng tài sản	**276.813**	**6.427.390**	**5.754**	**6.709.957**
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
I - Tiền gửi của khách hàng	273.614	5.588.928	3	**5.862.545**
II - Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	4.933	-	**4.933**
III - Các khoản nợ khác	5	22.491	-	**22.496**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**273.619**	**5.616.352**	**3**	**5.889.974**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**3.194**	**811.038**	**5.751**	**819.983**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**17.529**	**1.637.770**	**499**	**1.655.798**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**20.723**	**2.448.808**	**6.250**	**2.475.781**

38. RỦI RO LÃI SUẤT

Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") và khách hàng, ủy thác vốn và ủy thác đầu tư cho các đối tác, các khoản tiền gửi và vay TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, vốn nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất theo các hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất khi Ngân hàng huy động chủ yếu là lãi suất cố định và đầu tư vào các tài sản có lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Ngân hàng quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý mức độ chênh lệch của các tài sản và nợ phải trả nhạy cảm với lãi suất.

31/12/2011	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 -12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	Triệu VND	*Triệu VND*	*Triệu VND*	*Triệu VND*	*Triệu VND*	*Triệu VND*	*Triệu VND*	*Triệu VND*
TÀI SẢN								
I - Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	291.556	-	-	-	-	-	291.556
II - Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	586.335	-	-	-	-	586.335
III - Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.148.938	-	8.610.749	10.070.562	4.386.837	-	-	24.217.086
IV - Chứng khoán kinh doanh	-	137.665	-	-	-	-	-	137.665
V - Cho vay khách hàng	1.456.749	-	1.963.020	4.060.475	11.340.895	134.530	-	18.955.669
VI - Chứng khoán đầu tư	531.387	322.289	400.000	699.941	4.805.547	3.999.739	231.836	10.990.739
VII - Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	576.897	-	-	-	-	-	576.897
VIII - Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	232.217	-	-	-	-	-	232.217
IX - Tài sản Có khác	152.653	2.584.212	116.415	1.210.194	1.492.729	1.094.950	-	6.651.153
Tổng tài sản	**3.289.727**	**4.144.836**	**11.676.519**	**16.041.172**	**22.026.008**	**5.229.219**	**231.836**	**62.639.317**
NỢ PHẢI TRẢ								
I - Tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	-	-	4.275.669	9.158.120	5.015.174	13.814	24.995	18.487.772
II - Tiền gửi của khách hàng	-	-	32.159.820	4.301.890	2.013.407	114.776	-	38.589.893
III - Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	4.933	-	-	-	-	-	4.933
IV - Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	300.000	-	300.000
V - Các khoản nợ khác	-	612.668	-	-	-	-	-	612.668
Tổng nợ phải trả	**-**	**617.601**	**36.435.489**	**13.460.010**	**7.028.581**	**428.590**	**24.995**	**57.995.266**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**3.289.727**	**3.527.235**	**(24.758.970)**	**2.581.162**	**14.997.427**	**4.800.629**	**206.841**	**4.644.051**
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	**3.289.727**	**3.527.235**	**(24.758.970)**	**2.581.162**	**14.997.427**	**4.800.629**	**206.841**	**4.644.051**

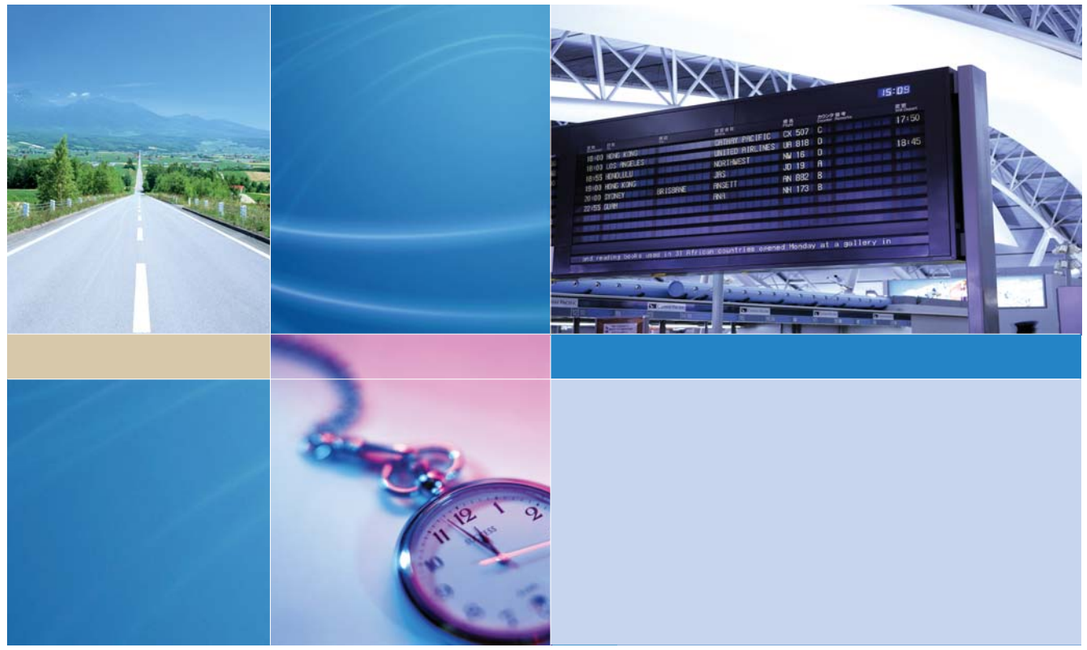

39. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngân hàng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau. Số dư đối với các đối tác theo loại hình đã được trình bày trong các Thuyết minh liên quan đến tài sản của Ngân hàng.

40. RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Ngân hàng quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Ngân hàng tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Ngân hàng là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Ngân hàng duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát được. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Ngân hàng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

ĐVT: Triệu VND

31/12/2011	Quá hạn	Trong hạn						Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	
TÀI SẢN								
I - Tiền mặt, vàng bạc ,đá quý	-	-	291.556	-	-	-	-	291.556
II - Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	586.335	-	-	-	-	586.335
III - Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.080.091	68.847	8.610.749	10.070.562	4.386.837	-	-	24.217.086
IV - Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	137.665	-	137.665
V - Cho vay khách hàng	376.458	1.080.291	1.169.405	1.679.696	4.781.334	5.172.505	4.695.980	18.955.669
VI - Chứng khoán đầu tư	427.750	103.637	400.000	599.941	2.496.644	6.730.931	231.836	10.990.739
VII - Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	576.897	576.897
VIII - Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	232.217	232.217
IX - Tài sản Có khác	140.998	11.655	1.556.132	1.536.785	2.278.075	1.127.508	-	6.651.153
Tổng tài sản	**2.025.297**	**1.264.430**	**12.614.177**	**13.886.984**	**13.942.890**	**13.168.609**	**5.736.930**	**62.639.317**
NỢ PHẢI TRẢ								
I - Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng	-	-	4.275.669	9.158.120	5.015.174	13.814	24.995	18.487.772
II - Tiền gửi của khách hàng	-	-	20.801.220	13.577.690	4.096.207	114.776	-	38.589.893
III - Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	4.933	-	-	-	4.933
IV - Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	300.000	-	300.000
V - Các khoản nợ khác	-	-	344.928	127.805	138.195	1.740	-	612.668
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**25.421.817**	**22.868.548**	**9.249.576**	**430.330**	**24.995**	**57.995.266**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**2.025.297**	**1.264.430**	**(12.807.640)**	**(8.981.564)**	**4.693.314**	**12.738.279**	**5.711.935**	**4.644.051**

Bảng trên đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản và nợ phải trả và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng trên đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản và công nợ tính theo ngày sớm nhất mà Ngân hàng phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Ngân hàng phải thu hoặc phải trả, trừ các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định. Trên thực tế, tài sản và công nợ của Ngân hàng có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Hải Dương, Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thùy Dương	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Minh Thu

MẠNG LƯỚI

HẢI DƯƠNG

Hội sở
Số 199 Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Dương
Tel: 0320.3258350 - Fax: 0320.3892039

Chi nhánh Hải Dương
Số 199 Nguyễn Lương Bằng,TP.Hải Dương
Tel: 0320.3892146 - Fax: 0320.3892039

OCEANBANK Trần Phú
Số 109, Trần Phú, TP.Hải Dương
Tel: 0320.3858849 - Fax:0320.3858849

OCEANBANK Nguyễn Trãi
Số 140 Chi Lăng, TP.Hải Dương
Tel: 0320.3844319 - Fax: 0320.3844913

OCEANBANK Quang Trung
Số 51A Quang Trung, TP.Hải Dương
Tel: 0320.3845373 - Fax: 0320.3845373

OCEANBANK Tứ Kỳ
TT. Tứ Kỳ, H.Tứ Kỳ, Hải Dương
Tel: 0320. 3747196 - Fax: 0320. 3747196

OCEANBANK Chí Linh
Số 132 Nguyễn Trãi, Hải Dương
Tel: 0320.3589300 - Fax: 0320.3589300

OCEANBANK Gia Lộc
TT. Gia Lộc, Hải Dương
Tel: 0320.3716349 - Fax: 0320.3716349

OCEANBANK Ninh Giang
TT. Ninh Giang, Hải Dương
Tel: 0320.3767059 - Fax: 0320.3767059

OCEANBANK Cầu Ràm
Bưu điện Cầu Ràm, xã Tân Hương, H.Ninh Giang, Hải Dương
Tel: 0320.3549600 - Fax: 0320.3549601

OCEANBANK Thanh Miện
Số 26 Phố Lê Bình, TT. Thanh Miện, H.Thanh Miện, Hải Dương
Tel: 0320.3731668 - Fax: 0320. 3731668

OCEANBANK Phạm Ngũ Lão
Số 1A, Phạm Ngũ Lão, Hải Dương
Tel: 0320.3855761 - Fax: 0320.3859735

OCEANBANK Bình Giang
Số 160, Trần Hưng Đạo, Thị trấn Sặc, H.Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Tel: 0320.3775778 - Fax: 0320.3775778

HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội
Số 48 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng
Tel: 04.3.9366868 - Fax: 04.3.9366512

OCEANBANK Hoàng Mai
Ô 13, Lô 6, Khu ĐT Đền Lừ I, Hoàng Mai
Tel: 04 36342923 - Fax: 04 3634 2924

OCEANBANK Khâm Thiên
Số 91 Khâm Thiên, Đống Đa
Tel: 04.35161940 - Fax: 04.35161941

OCEANBANK Lê Duẩn
Số 269, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng
Tel: 04.39410955 - Fax: 04.39410956

OCEANBANK Lê Văn Hưu
Số 76A Lê Văn Hưu, Hai Bà Trưng
Tel: 04.9447853 - Fax: 04.9447854

OCEANBANK Ba Đình
Số 63A Hàng Bún, Ba Đình
Tel: 04.3.7346617 - Fax: 04.3.7346582

OCEANBANK Hoàn Kiếm
Số 94E Trần Hưng Đạo
Tel: 04.3.9429907 - Fax: 04.3.9429910

OCEANBANK Thanh Nhàn
Số 176-178 Kim Ngưu, Hai Bà Trưng
Tel: 04.39725795 - Fax: 04.39725794

OCEANBANK Long Biên
Số 500 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên
Tel: 04.38726932 - Fax: 04.38726933

OCEANBANK Hai Bà Trưng
Số 125C Lò Đúc, Hai Bà Trưng
Tel: 04.39725793 - Fax: 04.39725792

OCEANBANK Đào Duy Anh
Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa
Tel: 04.35772024 - Fax: 04.3577.2025

OCEANBANK Minh Khai
308 D, Minh Khai, Hai Bà Trưng
Tel: 04.36321016 - Fax: 04.36321017

OCEANBANK Tràng Tiền
Số 35 Tràng Tiền - Hoàn Kiếm
Tel: 04.39369004 - Fax: 04.39369005

OCEANBANK Giải Phóng
Số 815 đường Giải Phóng, Hoàng Mai
Tel: 04.36649985 - Fax: 04.36649987

OCEANBANK Linh Đàm
Số 9 - BT1 Nguyễn Hữu Thọ, Khu nhà ở Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai
Tel: 04.35401576 - Fax: 04.35401577

OCEANBANK Bạch Mai
Số 390 Bạch Mai, Hai Bà Trưng
Tel: 04.36276057 - Fax: 04.36276058

OCEANBANK Bát Tràng
Xóm 3, Bát Tràng, Bát Tràng
Tel: 04.36715125 - Fax: 04.36715126

OCEANBANK Trương Định
Số 339 Trương Định, Tương Mai
Tel: 04.36629016 - Fax: 04.36629015

Chi nhánh Thăng Long
Số 18 Láng Hạ, Đống Đa
Tel: 04. 37726000 - Fax: 04.37725967

OCEANBANK Trần Duy Hưng
Số 198A Trần Duy Hưng, Cầu Giấy
Tel: 04.37868958 - Fax: 04. 37868958

OCEANBANK Phạm Ngọc Thạch
Số 2B Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa
Tel: 04.35746652 - Fax: 04. 35746653

OCEANBANK Thái Thịnh
Số 55, Thái Thịnh II, Thái Thịnh, Đống Đa
Tel: 04.35666125 - Fax: 04.35666124

OCEANBANK Lạc Long Quân
Số 208 Lạc Long Quân, Tây Hồ
Tel: 04.37592102 - Fax: 04.37592103

OCEANBANK Đống Đa
Số 120M2 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa
Tel: 04.37730860 - Fax: 04.37730859

OCEANBANK Mỹ Đình
Lô 20, Nhà BT1E, Khu nhà CT4, Mỹ Đình, Từ Liêm
Tel: 04.37877925 - Fax: 04.37877923

OCEANBANK Thành Công
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình
Tel: 04.37726789 - Fax: 04.37726957

OCEANBANK Hà Đông
Số 167, Quang Trung, Hà Đông
Tel: 04.22466740 - Fax: 04.3553068

OCEANBANK Đào Tấn, Hà Nội
11 Đào Tấn, Ba Đình
Tel: 04.37668391 - Fax: 04.37668392

OCEANBANK Nguyễn Thị Định
Số 26 Nguyễn Thị Định, Trung Hòa, Cầu Giấy
Tel: 04.62510237 - Fax: 04. 62510237

OCEANBANK Nguyễn Khánh Toàn
Số 4, Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy
Tel: 04. 37678135 - Fax: 04. 37678136

OCEANBANK Tây Hồ
Số 16A Yên Phụ, Tây Hồ
Tel: 04.37152156 - Fax: 04.37152123

OCEANBANK Âu Cơ
Số 33 Âu Cơ, Tây Hồ
Tel: 04.37185473
Fax: 04.37185476

OCEANBANK Dầu Khí
Tầng 1, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, 173 Trung Kính, Cầu Giấy
Tel: 04 3782 3389 - Fax: 04 3782 3390

OCEANBANK Cầu Giấy
Số 39 Trần Thái Tông, Cầu Giấy
Tel: 04. 37931457 - Fax: 04.37931458

OCEANBANK Đội Cấn
Số 195B Đội Cấn, P.Đội Cấn, Ba Đình
Tel: 04. 37347716 - Fax: 04.37347717

OCEANBANK Lý Thường Kiệt
Toà nhà Hà Nội Tourist, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm
Tel: 04.39387376 - Fax: 04.39387377

OCEANBANK Quốc Tử Giám
Số 23 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04. 37326000 - Fax: 04. 37326001
Hải Phòng

HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng
Số 418-418A-420 đường Tô Hiệu, P.Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, TP.Hải Phòng
Tel: 031371 5555 - Fax: 031378 6878

OCEANBANK Lạch Tray
Số 219 C Lạch Tray, P. Đổng Quốc Bình, Q.Ngô Quyền,TP.Hải Phòng.
Tel: 031 3261998 - Fax: 031 3261629

OCEANBANK Đà Nẵng
Số 213 đường Đà Nẵng, P.Cầu Tre, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Tel: 031 356 5696 - Fax: 031 356 5279

BẮC GIANG

Chi nhánh Bắc Giang
Số 151, đường Hùng Vương, TP.Bắc Giang
Tel: 0240 3822999
Fax: 0240 3523689

OCEANBANK Nguyễn Thị Lưu
Số 02 Nguyễn Thị Lưu, TP.Bắc Giang, T.Bắc Giang
Tel: 0240 3822688 - Fax: 0240 3720068

QUẢNG NINH

Chi nhánh Quảng Ninh
Tổ 66, khu 3, P. Hòn Gai, TP.Hạ Long
Tel: 033.3518890 - Fax: 033.3518900

OCEANBANK Cẩm Phả
TTTM, Ngã tư tổng hợp, số 2 Trần Khánh Dư, P.Cẩm Đông, TX. Cẩm Phả, Quảng Ninh.
Tel: 033.3939588 - Fax: 033.3939890

OCEANBANK Uông Bí
Tổ 43, Khu 12, Quang Trung, Uông Bí
Tel: 033.3565959 - Fax: 033.3565956

OCEANBANK Mạo Khê
Số 46-48 khu Vĩnh Thông, TT. Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
Tel: 033.3586446 - Fax: 033.3586469

THÁI BÌNH

Chi nhánh Thái Bình
Số 134 Trần Thái Tông, P.Bồ Xuyên, TP.Thái Bình, Thái Bình
Tel: 036.3658888 - Fax: 036.3848222

THANH HÓA

Chi nhánh Thanh Hóa
103- 105 Đại lộ Lê Lợi, P.Lam Sơn, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa
Tel: 0373.915388 - Fax: 0373.915008

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh Đà Nẵng
Số 80-82 Hàm Nghi, P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Tel: 0511.3898789/87 - Fax: 0511.3898788

OCEANBANK Ông Ích Khiêm
106 Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Tel: 0511.3531935 - Fax: 0511.3531936

OCEANBANK Chợ Cồn
Số 354 Ông Ích Khiêm, P.Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Tel: 0511.3815345 - Fax: 0511.381534

OCEANBANK Cẩm Lệ
Số 60 Ông Ích Đường, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng
Tel: 05113695445 - Fax: 05113695447

OCEANBANK Dầu Khí
Tòa nhà PVFC, đường 30/4, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng.
Tel: 0511.3695445 - Fax: 0511.3695447

BÌNH ĐỊNH

Chi nhánh Quy Nhơn
Số 70 Lê Duẩn, TP.Quy Nhơn, Bình Định
Tel: 056.3522688 - Fax: 056.3522689

KHÁNH HÒA

Chi nhánh Nha Trang
Số 53 phố Yersin, TP.Nha Trang, Khánh Hòa
Tel: 058 38 222 88 - Fax: 058 3811177

TP HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Sài Gòn
Số 185 -187 Nguyễn Thái Học, Quận 1
Tel: 08.6291 3299 - Fax: 08.629 13298

OCEANBANK Bến Nghé
68 Ngô Đức Kế
Tel: 08.3915 1845 - Fax: 08.3915 1830

OCEANBANK Hoàng Văn Thụ
Số 298 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình
Tel: 08. 39484498 - Fax: 08. 39484497

OCEANBANK Nguyễn Văn Trỗi
114 Nguyễn Văn Trỗi, P.17, Q.Phú Nhuận
Tel: 08.38475678 - Fax: 08.38424554

OCEANBANK Lý Thái Tổ
Số 506 -508 Lý Thái Tổ, P.10, Q.10
Tel: 08.39270779 - Fax: 08.39274889

OCEANBANK Quận 7
Số 33, Khu Mỹ Hoàng, Nguyễn Văn Linh, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Quận 7
Tel: 08 5 412 2272 - Fax: 08 5 412 2270

OCEANBANK Tân Phú
Số 5, Nguyễn Sơn, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú
Tel: 08.22264461 - Fax: 08.22264460

OCEANBANK Hồ Tùng Mậu
Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1
Tel: 08.39153736 - Fax: 08. 39153735

OCEANBANK Tân Bình
Số 72 Cộng Hòa, P.4, Q.Tân Bình
Tel: 08.38118596 - Fax: 08.38008595

OCEANBANK Cách Mạng Tháng 8
Số 739 CMT8, P.6, Q.Tân Bình
Tel: 08.3771622 - Fax: 08.39771633

OCEANBANK Trương Định
149 B Trương Định, P.9, Q.3
Tel: 08.35262222 - Fax: 08.35262000

OCEANBANK Trần Não
67 Trần Não, P.Bình An, Q.2
Tel: 08.37407739 - Fax: 08.37407737

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Số 117-119-121 đường Nguyễn Du, Bến Thành, Q.1
Tel: 08 35210300 - Fax: 08 35210301

OCEANBANK Lê Duẩn
1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1
Tel: 08.39100791 - Fax: 08.39100792

OCEANBANK Võ Thị Sáu
45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q1
Tel: 08.38207890 - Fax: 08.38207905

OCEANBANK Mạc Đĩnh Chi
Tòa nhà PVFCCo Tower số 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đa Kao, Q1, TP HCM
Tel: 08.35218450 - Fax: 08.35218451

QUẢNG NGÃI

Chi nhánh Quảng Ngãi
Số 55 - 57 Đại lộ Hùng Vương, P.Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
Tel : 055.371.4946 - Fax : 055371.4945

OCEANBANK Hùng Vương
Số 367 Đại lộ Hùng Vương
Tel: 0553 714946 - Fax: 0553 714945

OCEANBANK Dung Quất
Xã Bình Trị, H.Bình Sơn, Quảng Ngãi.
Tel: 055.3614888 - Fax: 055.3614887

VŨNG TÀU

Chi nhánh Vũng Tàu
29 Trần Hưng Đạo, P.1, TP.Vũng Tàu
Tel: 064.3515599 - Fax: 064.3515566

OCEANBANK Nguyễn Thái Học
08-G3 Nguyễn Thái Học, P.7, Vũng Tàu
Tel: 064.3597939 - Fax: 064.3597929

OCEANBANK Hoàng Diệu
8 Hoàng Diệu, P.1, TP.Vũng Tàu
Tel: 064.3513189 - Fax: 064.3513188

OCEANBANK Rạch Dừa
430 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu, T.Bà Rịa Vũng Tàu
Tel: 064.3627757 - Fax: 064.3627759

NGHỆ AN

Chi nhánh Vinh
Số 19 Quang Trung, TP.Vinh
Tel: 038.8600288 - Fax: 038.8600388

OCEANBANK Phương Đông
Số 218, Lê Duẩn, P.Trường Thi, TP.Vinh
Tel: 038.8600599 - Fax: 038.8600799

OCEANBANK Lê Hồng Phong
Số 93 đường Lê Hồng Phong, TP.Vinh, T.Nghệ An.
Tel: 038.8600489 - Fax: 038.8600589

OCEANBANK Nguyễn Trãi
Số 223 đường Nguyễn Trãi, P.Quán Bàu, TP.Vinh, T.Nghệ An
ĐT: 038 3 512 599 - Fax: 038 3 513 799

OCEANBANK Bến Thủy
Số 9, đường Nguyễn Văn Trỗi, TP.Vinh, Nghệ An
Tel: 038.8688599 - Fax: 038.8688799

CÀ MAU

Chi nhánh Cà Mau
Số 13A đường Hùng Vương, P.7, TP.Cà Mau
Tel: 0780 354 0072 - Fax: 0780 354 0035

HÀ TĨNH

Chi nhánh Hà Tĩnh
Tòa nhà BMC, Số 2 Phan Đình Phùng, P.Nam Hà, TP.Hà Tĩnh
Tel: 0393 777729 - Fax: 0393 777792

OCEANBANK Kỳ Anh
Tiểu khu 1, khu phố Hưng Hòa, TT.Kỳ Anh, Hà Tĩnh
Tel: 0393 721666 - Fax: 0393 721667

OCEANBANK Nguyễn Chí Thanh
73 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Hà Tĩnh
Tel: 0393.777667 - Fax: 0393.777676

CẦN THƠ

Chi nhánh Cần Thơ
Tòa nhà Happy Tower, 28 - 33 đường Phạm Ngọc Thạch, P.Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
Tel: 0710.3735835 - Fax: 0710.3735830

ĐỒNG NAI

Chi nhánh Đồng Nai
Số 2/5- 2/5A Đồng Khởi, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 061.8771111 - Fax: 061.8877111

BÌNH DƯƠNG

Chi nhánh Bình Dương
339, Đại lộ Bình Dương, P.Chánh Nghĩa, TX.Thủ Dầu 1, T.Bình Dương
Tel: 0650. 3857888 - Fax: 0650. 3857688

NGÂN HÀNG **ĐẠI LÝ**

NGÂN HÀNG **ĐẠI LÝ**

Danh sách Ngân hàng đã có quan hệ RMA với OceanBank

No.	Quốc Gia	Thành phố	Tên Ngân Hàng	MÃ SWIFT
Châu Á				
1	**Ấn Độ**	Mum-bai	JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASINBX
2			BNP PARIBAS, INDIA	BNPAINBB
3			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD, MUMBAI	BOTKINBB
4			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCINBB
5	**Đài Loan**	Tai-pei	OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION	OCBCTWTP
6			CITIBANK, N.A	CITITWTX
7			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCTWTP
8			TAIPEI FUBON COMMERCIAL BANK CO., LTD	TPBKTWTP
9			CHANG HWA COMMERCIAL BANK	CCBCTWTP
10			JP MORGAN CHASE	CHASTWTX
11			WELLS FARGO BANK, NATIONAL ASSOCIATION - TAIPEI BRANCH	PNBPTWTP
12	**Hàn Quốc**	Se-oul	JPMORGAN CHASE BANK, N.A., SEOUL BRANCH	CHASKRSX
13			OVERSEA CHINESE BANKING CORP. LTD	OCBCKRSE
14			WOORI BANK SEOUL	HVBKKRSE
15			KYONGNAM BANK	KYNAKR22
16			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCKRSE
17			LANDESBANK BADEN-WUERTTEMBERG	SOLAKRSE
18			WELLS FARGO BANK	PNBPKRSX
19			KOREA EXCHANGE BANK	KOEXKRSE
20			INDUSTRIAL BANK OF KOREA	IBKOKRSE
21			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., KOREA	BOTKKRSX
22			SHINHAN BANK,KOREA	SHBKKRSE
23			KOREA DEVELOPMENT BANK	KOEXKRSE
24			BNP PARIBAS, SEOUL	BNPAKRSE
25			SUHYUP BANK (ALSO KNOWN AS NATIONAL FEDERATION OF FISHERIES COOPERATIVES)	NFFCKRSE
26	**Hồng Kông**	Hong-Kong	JPMORGAN CHASE BANK, N.A., HONG KONG.	CHASHKHH
27			OVERSEA CHINESE BANKING CORP LTD	OCBCHKHH
28			THE HONG KONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION LIMITED	HSBCHKHH
29			HBZ FINANCIAL LIMITED	HFLIHKHH
30			THE BANK OF NEWYORK MELLON, HONGKONG BRANCH	IRVTHKHX
31			STANDARD CHARTERED BANK, HONGKONG	SCBLHKHH
32			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCHKHH
33			VIETNAM FINANCE COMPANY LIMITED	BFTVHKHH
34			WELLS FARGO BANK, N.A, HONGKONG	PNBPHKHH
35			UNICREDIT BANK, HONG KONG	BVBEHKHH
36			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD.,HONGKONG	BOTKHKHH
37			BANCO SANTANDER, S.A. HONGKONG	BSCHHKHH
38			DBS BANK (HONG KONG) LIMITED	DHBKHKHH
39			WOORI BANK, TOKYO	HVBKJPJT
40			AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED,TOKYO	ANZBJPJX
41			BANGKOK BANK PUBLIC COMPANY LTD.	BKKBJPJT
42	**Indonesia**	Jakarta	PT BANK OCBC NISP TBK	NISPIDJA
43			CITIBANK, N.A	CITIIDJX
44			BANK BNP PARIBAS, INDONESIA	BNPAIDJA
45			BANK OF TOKYO MITSUBISHI UFJ,JAKARTA	BOTKIDJX
46			JPMORGAN CHASE BANK, N.A.	CHASIDJX
47	**Nhật Bản**	Tô-ky-ô	OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION LIMITED, TOKYO	OCBCJPJT
48			SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION	SMBCJPJT
49			WELLS FARGO BANK, N.A, TOKYO	PNBPJPJX
50			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCJPJT
51			MIZUHO CORPORATE BANK, LTD	MHCBJPJT
52			COMMERZBANK AG TOKYO	COBAJPJX
53			THE BANK OF TOKYO-MISUBISHI UFJ, Ltd	BOTKJPJT
54			JPMORGAN CHASE BANK, N.A.	CHASJPJT
55			THE BANKOF NEW YORK MELLON, TOKYO	IRVTJPJX
56			THE HONG KONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION LIMITED	HSBCJPJT
57			CITIBANK JAPAN LTD.	CITIJPJT
58	**Ma-lay-si-a**	Kuala-Lumpur	J.P.MORGAN CHASE BANK BERHAD, KUALA LUMPUR	CHASMYKX
59			MAYBANK	MBBEMYKL
60			CITIBANK BERHAD, MALAYSIA	CITIMYKL
61			OCBC BANK (MALAYSIA) BERHAD	OCBCMYKL
62			BNP PARIBAS MALAYSIA BERHAD	BNPAMYKL
63			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (MALAYSIA) BERHAD	BOTKMYKX
64			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCMYKL
65			AFFIN BANK BERHAD	PHBMMYKL

66	**Philipine**	Ma-ni-la	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD,MANILA	BOTKPHMM
67	**Sing-ga-po**	Sing-ga-po	CITIBANK, N.A	CITISGSG
68			DBS BANK	DBSSSGSG
69			JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASSGSG
70			LANDESBANK BADEN-WUERTTEMBERG	SOLASGSG
71			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCSGSG
72			OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION	OCBCSGSG
73			OUB SINGAPORE	UOVBSGSG
74			HSBC SINGAPORE	HSBCSGSG
75			BNP PARIBAS (SINGAPORE)	BNPASGSG
76			THE ROYAL BANK OF SCOTLAND	ABNASGSG
77			STANDARD CHARTERED BANK	SCBLSGSG
78			SKANDINAVISKA ENSKILDA BANKEN AB (PUBL)	ESSESGSG
79			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD	BOTKSGSX
80			SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION	SMBCSGSG
81			MIZUHO CORPORATE BANK LTD. SINGAPORE BRANCH	MHCBSGSG
82			COMMERZBANK AG, SINGAPORE	COBASGSX
83	**Thái Lan**	Bang-kok	DEUTSCHE BANK AG, BANGKOK	CHASTHBX
84			JPMORGAN CHASE BANK, N.A., BANGKOK BRANCH	CHASTHBX
85			THANACHART BANK	THBKTHBK
86			BANGKOK BANK PUBLIC COMPANY LIMITED	BKKBTHBK
87			OVERSEA-CHINESE BANKING CORP LTD	OCBCTHBK
88	**Trung Quốc**	Bắc Kinh	JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASCN22
89			INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF CHINA	ICBKCNBJ
90			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCCN22
91		Quảng Châu	JPMORGAN CHASE BANK (CHINA) COMPANY LIMITED GUANGZHOU	CHASCN2G
92		Thượng Hải	OVERSEA CHINESE BANKING CORP LTD	OCBCCNSH
93			JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASCNSH
94			CHINA CONSTRUCTION BANK	PCBCCNBJ
95			WOORI BANK (CHINA) LIMITED	HVBKCNBJ
96			WELLS FARGO BANK N.A	PNBPCNSH
97			COMMERZBANK AG	COBACNSX
98			BANK OF TOKYO-MISHUBISHI UFJ (CHINA) LTD	BOTKCNSH
99			BANK OF COMMUNICATIONS	COMMCNSH
100			BNP PARIBAS (CHINA) LTD	BNPACNSH
101			SHENZEN DEVELOPMENT BANK CO.LTD	SZDBCNBS
102		Ping-hu	ZHEJIANG PINGHU RURAL COOPERATIVE BANK	PHRCCNSH
103	**Pa-kis-tan**	Ka-ra-chi	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD.,	BOTKPKKA
104			STANDARD CHARTERED BANK (PAKISTAN LIMITED)	SCBLPKKX
105	**Ả Rập Saudi**	Ri-at	BNP PARIBAS SAUDI ARABIA	BNPASARI
106			JPMORGAN CHASE BANK, N.A. RIYADH	CHASSARI
107	**Qatar**	Đô-ha	BNP PARIBAS, DOHA	BNPAQAQA
108	**Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất**	Đu-bai	BNP PARIBAS, DUBAI	BNPAAEAD
109			ROYAL BANK OF SCOTLAND NV	ABNAAEAD
110	**Việt Nam**	KHỐI NGÂN HÀNG TRONG NƯỚC	NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH	ABBKVNVX
111			NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ	VNIBVNVX
112			NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	ASCBVNVX
113			NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG	TPBVVNVX
114			NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG NAM	PNBKVNVX
115			NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU	PGBLVNVX
116			NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	MSCBVNVX
117			NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI	SHBAVNVX
118			NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG Á	EACBVNVX
119			NGÂN HÀNG TMCP NAM Á	NAMAVNVX
120			NGÂN HÀNG TMCP NHÀ HÀ NỘI	HBBHVNVN
121			NGÂN HÀNG TMCP LIÊN VIỆT	LVBKVNVX
122			NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á	SEAVVNVX
123			NGÂN HÀNG TMCP TOÀN CẦU	GBNKVNVX
124			NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TPHCM	HDBCVNVX
125			NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU	EBVIVNVX
126			NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK)	BFTVVNVX
127			NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)	BIDVVNVX
128			NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU	PGBLVNVX
129			NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI	MCOBVNVX
130			NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	ICBVVNVX
131			NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	VTCBVNVX
132			NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	SGTTVNVX
133			NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	VPBKVNVX
134			NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG	ORCOVNVX
135			NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN	VNTTVNVX
136			NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	VBAAVNVX

137			NGÂN HÀNG TMCP GIA ĐỊNH	VCBCVNVX
138			NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	ASCBVNVX
139			NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT	BVBVVNVX
140			NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á	SEAVVNVX
141		KHỐI NGÂN HÀNG LIÊN DOANH/ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI/VP ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM	WOORI BANK , HANOI	HVBKVNVX
142			ANZ VIỆT NAM	ANZBVNVX
143			CITIBANK, N.A , VIỆT NAM	CITIVNVX
144			HSBC VIỆT NAM	HSBCVNVX
145			KOREA EXCHANGE BANK	KOEXVNVX
146			JPMORGAN CHASE BANK, N.A.	CHASVNVX
147			DEUTSCHE BANK, HO CHI MINH CITY	DEUTVNVX
148			WOORI BANK , HO CHI MINH	HVBKVN2X
149			MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK , HOCHIMINH	ICBCVNVX
150			TAIPEI FUBON COMMERCIAL BANK	TPBKVNVX
151			COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA	CTBAVNVX
152			BANK OF CHINA, HOCHIMINH	BKCHVNVX
153			BANGKOK BANK PUBLIC COMPANY LIMITED	BKKBVNVX
154			INDUSTRIAL BANK OF KOREA, HOCHIMINH	IBKOVNVX
155			UOB, HOCHIMINH	UOVBVNVX
156			STANDARD CHARTERED BANK (VIETNAM)	SCBLVNVX
157			BNP PARIBAS VIETNAM , HO CHI MINH CITY	BNPAVNVN
158			SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION	SMBCVNVX
159			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD	BOTKVNVX
160			NATIXIS , HOCHIMINH CITY	BFCEVNVX
161			INDOVINA BANK LIMITED	IABBVNVX
Châu Âu				
162	**Austria**	Linz	RAIFFEISEN-LANDESBANK OBEROESTERREICH AKTIENGESELLSCHAF	RZOOAT2L
163		Viên	UNICREDIT BANK AUSTRIA AG	BKAUATWW
164			ROYAL BANK OF SCOTLAND NV	ABNAATWW
165			COMMERZBANK AG	COBACZPX
166	**Séc**	Pra-ha	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (HOLLAND) N.V., PRAGUE BRANCH	BOTKCZPP
167	**Anh**	Luân đôn	JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASGB2L
168			OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION	OCBCGB2L
169			STANDARD CHARTERED BANK, LONDON	SCBLGB2L
170			ROYAL BANK OF SCOTLAND NV	ABNAGB2L
171			WELLS FARGO BANK, NATIONAL ASSOCIATION - LONDON BRANCH	PNBPGB2L
172			COMMERZBANK AG	COBAGB2X
173			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD, LONDON	BOTKGB2L
174			STATE BANK OF INDIA (LONDON)	SBINGB2L
175	**Ba Lan**	Warszawa	BANK HANDLOWY W WARSZAWIE SA	CITIPLPX
176			BANK PEKAO S.A.	PKOPPLPW
177	**Bỉ**	Brussels	COMMERZBANK AG,THE, BRUSSELS BRANCH	COBABEBX
178			ROYAL BANK OF SCOTLAND NV	ABNABEBRBRU
179			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD, BRUSSELS	BOTKBEBX
180	**Đan Mạch**	Co-pen-ha-gen	DANSKE BANK A/S	DABADKKK
181			ROYAL BANK OF SCOTLAND	ABNADKKK
182	**Pháp**	Paris	NATIXIS BANQUE POPULAIRE RIVES DE PARIS	CCBPFRPP
183			COMMERZBANK AG	COBAFRPX
184			BNP-PARIBAS SA (FORMERLY BANQUE NATIONALE DE PARISS.A.)	BNPAFRPP
185			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD,BUENOS AIRES	BOTKFRPX
186			THE HONG KONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION LIMITED	CCFRFRPP
187	**Đức**	Frank-furt	COMMERZBANK AG	COBADEFF
188			DEUTSCHE BANK AG	DEUTDEFF
189			BHF BANK	BHFBDEFF
190			LANDESBANK BADEN-WUERTTEMBERG	SOLADEST
191			UNICREDIT BANK AG	HYVEDEMM
192			STANDART CHARTERED BANK FRANKFURT	SCBLDEFX
193			J.P.MORGAN AG	CHASDEFX
194			BNP PARIBAS S.A. NIEDERLASSUNG FRANKFURT AM MAIN	BNPADEFF
195			DEUTSCHE BANK HAMBOURG	DEUTDEHH
196		Essen	DEUTSCHE BANK AG	DEUTDEDE
197		Dusseldorf	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD (DUESSELDORF)	BOTKDEDX
198		Bec-Lin	LANDESBANK BERLIN AG	BELADEBE
199		Mu-ních	UNICREDIT BANK AG	HYVEDEMM
200				
201	**Ý**	Milano	COMMERZBANK AG	COBAITMM
202			UNICREDIT S.P.A	UNCRITMM
203	**Lat-vi-a**	Ri-ga	AIZKRAUKLES BANKA JSC	AIZKLV22
204	**Hung-ga-ry**	Bu-da-pest	COMMERZBANK (BUDAPEST) RT.	COBAHUHX
205	**Hà Lan**	Am-sec-dam	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (HOLLAND) N.V.	BOTKNL2X

206	**Uk-rai-na**	CHERNI HIV	DEMARK BANK JS	DEMKUA22
207		Ki-ép	PUBLIC JOINT STOCK COMPANY "DELTA BANK"	DELKUAUK
208	**Nga**	Mát-xcơ-va	UNICREDIT BANK ZAO	IMBKRUMMXXX
209			ROYAL BANK OF SCOTLAND	ABNARUMM
210			CORPORATE INTERNATIONAL BUREAU OF COMMERCE ALLIANCE GROUP LIMITED LIABILITY COMPANY	CIBGRUMM
211			JSC VTB BANK	VTBRRUMM
212			BANK OF MOSCOW	MOSWRUMM
213	**Slovakia**	Bratislava	COMMERZBANK AG	COBASKBX
214	**Phần Lan**	Hen-si-ki	SKANDINAVISKA ENSKILDA BANKEN	ESSEFIHX
215	**Tây Ban Nha**	Barcelona	BANCO DE SABADELL, S.A.	BSABESBB
216		Madrit	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD., MADRID	BOTKESMX
217			COMMERZBANK AG	COBAESMX
218			BANCO MARE NOSTRUM, S.A.	GBMNESMM
219		Lis-bon	CAJA DE AHORROS DE SANTANDER Y CANTABIRA	CECAESMM
220			ROYAL BANK OF SCOTLAND N.V	ABNAESMM
221	**Thụy Điển**	Stoc-hôm	DANSKE BANK AS, SVERIGE FILIAL	DABASESX
Châu Úc				
222	**Aus-tra-li-a**	Syd-ney	OVERSEA CHINESE BANKING CORP LTD	OCBCAU2S
223			COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA	CTBAAU2S
224			AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED	ANZBKRSX
225			JPMORGAN CHASE BANK SYDNEY	CHASAU2X
226			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (HOLLAND) N.V.	BOTKATWX
227			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD,SYDNEY	BOTKAU2X
Châu Mỹ				
228	**United States**	Los Angeles	KASIKORN BANK PCL	KASIUS6L
229		San Francisco	WELLS FARGO BANK, N.A.	WFBIUS6S
230		New-York	CITIBANK, N.A	CITIUS33
231			JPMORGAN CHASE BANK, N.A	CHASUS33
232			THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCUS33
233			WELLS FARGO BANK N.A, NEW YORK	PNBPUS3NNYC
234			HSBC NEW YORK	MRMDUS33
235			METROBANK, N.A	MBHOUS4H
236			COMMERZBANK AG	COBAUS3X

237		Phi-la-del-phi-a	THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCUS33
238			THE BANK OF TOKYO-MISUBISHI UFJ, LTD	BOTKUS33
239			SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION	SMBCUS33
240			WELLS FARGO BANK N.A	PNBPUS33
241	**Canada**	Toronto	THE BANK OF NOVA SCOTIA	NOSCCATT
242	**Mexico**	Mexico	HSBC MEXICO, S.A. INSTITUCION DE BANCA MULTIPLE, GRUPO FINANCIER HSBC	BIMEMXMM
243			BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ (MEXICO) S.A.	BOTKMXMX
244	**Argentina**	BUENOS AIRES	BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD,BUENOS AIRES	BOTKARBA
Châu Phi				
245	**Mauritius**	PORT LOUIS	BANK INTERNASIONAL INDONESIA	IBBKMUMU

MỤC LỤC

TỔNG QUAN	2
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	4
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	6
THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	8
MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG	10
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2011	18
THÀNH TỰU	30
AN SINH XÃ HỘI	32
DẤU ẤN 2011	34
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2012	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	42
MẠNG LƯỚI	76
HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ	81

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI DƯƠNG

www.oceanbank.vn